ỦY BAN GIÁO LÝ ĐỨC TIN
HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM

THÔNG ĐIỆP
DEUS CARITAS EST

(THIÊN CHÚA LÀ TÌNH YÊU)
CỦA ĐỨC THÁNH CHA BÊNÊĐICTÔ XVI

VĂN PHÒNG THƯ KÝ HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM
THÁNG 2 NĂM 2006

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

PHẦN THỨ NHẤT
Sự thống nhất của tình yêu trong sáng tạo và lịch sử cứu độ.

Một vấn đề ngôn ngữ.

Eros và Agape - khác biệt và thống nhất.

Cái mới của niềm tin theo Thánh Kinh.

Đức Giêsu Kitô - Tình yêu trở thành xác thể của Thiên Chúa.

Tình yêu đối với Thiên Chúa và tình yêu đối với con người.

PHẦN THỨ HAI
Caritas – Tình Yêu (Bác ái)
Hoạt động bác ái của Hội Thánh như là một "cộng đoàn của Tình yêu".

Hoạt động bác ái của Hội Thánh
như cách thể hiện tình yêu mang đặc tính Chúa Ba Ngôi.

Hoạt động bác ái như trách nhiệm của Hội Thánh.

Công bằng và bác ái.

Những cơ cấu đa dạng của việc phục vụ bác ái trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Khía cạnh đặc biệt của công tác bác ái của Hội Thánh.

Những ngươi có trách nhiệm cho hoạt động bác ái của Hội Thánh.

KẾT LUẬN

THÔNG ĐIỆP DEUS CARITAS EST
CỦA ĐỨC THÁNH CHA BÊNÊĐICTÔ XVI

GỬI CÁC GIÁM MỤC
CÁC LINH MỤC VÀ PHÓ TẾ
CÁC TU SĨ NAM NỮ
VÀ TẤT CẢ CÁC TÍN HỮU
VỀ ĐỨC ÁI KITÔ GIÁO

DẪN NHẬP

1. *"Thiên chúa là tình yêu : ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa và Thiên Chúa ở lại trong người ấy"* (1Ga 4,16). Những lời này được trích từ Thư thứ nhất của Thánh Gioan, diễn tả rõ ràng điều làm nên trọng tâm đức tin Kitô giáo : hình ảnh Thiên Chúa của Kitô giáo, từ hình ảnh này rút ra hình ảnh con người và con đường của họ. Thêm nữa, cũng ngay trong câu đó, Thánh Gioan đưa ra cho chúng ta một công thức tóm tắt đời sống Kitô hữu : *''Chúng ta đã nhận biết và tin vào tình yêu Thiên Chúa dành cho chúng ta".*

''Chúng ta đã tin vào tình yêu Thiên Chúa" : Người Kitô hữu có thể diễn tả quyết định căn bản của đời mình như thế. Khởi đầu cho cuộc sống Kitô hữu không phải là một quyết định đạo đức hay một tư tưởng vĩ đại, nhưng là sự gặp gỡ với một biến cố với một Con Người, Đấng đem lại cho đời sống chúng ta một chân trời mới và từ đó một định hướng dứt khoát. Trong Phúc Âm, Thánh Gioan nhấn mạnh sự kiện này với những lời như sau : *''Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người… thì được sống muôn đời"* (Ga 3,16). Khi nhận ra đặc tính trung tâm của tình yêu, niềm tin Kitô giáo đã đón nhận điều cốt lõi của đức tin Israel và đồng thời mang lại cho cốt lõi này một chiều sâu rộng mới. Người Do Thái đạo đức cầu nguyện hằng ngày với lời kinh rút từ sách Đệ nhị luật, trong đó họ nhận ra trọng tâm cuộc sống của mình : *''Nghe đây, hỡi Israel ! Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. Hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, hết lòng hết dạ, hết sức anh em"* (Đnl 6,4-5). Đức Giêsu đã nối kết giới răn mến Chúa với giới răn yêu người rút từ sách Lêvi : *"Ngươi phải yêu đồng loại như chính mình"* (Lv 19,18) thành một mệnh lệnh duy nhất (x. Mc 12,29-31). Vì Thiên Chúa đã yêu chúng ta trước (x. lGa 4,l0),

nên tình yêu không còn là một "giới luật", nhưng là lời đáp trả cho hồng ân "tình yêu" qua đó Thiên Chúa đến gặp gỡ chúng ta.

Trong một thế giới, nơi danh Thiên Chúa đôi khi bị nối kết với sự trả thù hay cả với nghĩa vụ hận thù và bạo lực, một sứ điệp như trên vừa rất hợp thời, vừa rất có ý nghĩa. Vì thế trong Thông điệp đầu tiên của tôi, tôi muốn nói về tình yêu Thiên Chúa ban tặng cho chúng ta và chúng ta phải tiếp tục trao ban cho kẻ khác. Như thế đã vạch ra hai phần gắn bó chặt chẽ với nhau của Thông điệp này. Phần đầu mang đặc tính lý
thuyết nhiều hơn, vì tôi cố ý - vào lúc khởi đầu triều đại Giáo hoàng của tôi - giải thích một số điểm căn bản về tình yêu Thiên Chúa trao ban cho con người cách mầu nhiệm và hoàn toàn nhưng không, và đồng thời cho thấy sự liên kết nội tại giữa tình yêu này của Thiên Chúa với thực tại của tình yêu con người. Phần hai mang tính cụ thể hơn vì tình bày việc thực hành giới luật yêu người của Hội Thánh. Đề tài quá rộng lớn ; một sự trình bày tường tận sẽ vượt quá mục đích của Thông điệp này. Tỏi chỉ muốn nhấn mạnh vài yếu tố căn bản để khơi dậy trong thế giới một năng động mới cho việc con người đáp trả lại tình yêu của Thiên Chúa.

PHẦN THỨ NHẤT
SỰ THỐNG NHẤT CỦA TÌNH YÊU
TRONG SÁNG TẠO VÀ LỊCH SỬ CỨU ĐỘ

Một vấn đề ngôn ngữ

2. Tình yêu Thiên Chúa dành cho chúng ta là vấn nạn căn bản của cuộc sống và đưa ra những câu hỏi mang tính quyết định : Thiên Chúa là ai và chúng ta là ai ? Về vấn đề này, trước tiên, chúng ta gặp một vấn nạn về ngôn ngữ. Ngày nay, thuật ngữ ''tình yêu'' là những từ được sử dụng nhiều nhất và cũng bị lạm dụng nhiều nhất ; với thuật ngữ này, chúng ta có thể gán cho rất nhiều ý nghĩa khác nhau. Cả khi đề tài của Thông điệp này tập trung vào việc nhận thức và thực hành tình yêu theo Thánh Kinh và Thánh Truyền, chúng ta cũng không được phép bỏ qua việc tìm hiểu xem từ này mang ý nghĩa gì nơi các nền văn hoá khác nhau và trong cách sử dụng ngôn ngữ hiện tại.

Trước tiên, chúng ta nhớ đến sự đa dạng ý nghĩa của thuật ngữ ''tình yêu'' : chúng ta nói đến tình yêu tổ quốc, tình yêu nghề nghiệp, tình yêu bạn bè, yêu thích việc làm, tình yêu giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em và thân bằng quyến thuộc, tình yêu tha nhân và tình yêu đối với Thiên Chúa. Tuy nhiên, trong sự đa dạng ý nghĩa này, có một điều nổi bật lên, đó là tình yêu giữa người nam và người nữ, trong đó hồn xác kết hợp bất khả phân ly và mở ra cho con người một lời hứa hạnh phúc dường như không cưỡng lại được. Tình yêu này có vẻ là kiểu mẫu của tình yêu ; bên cạnh tình yêu này, thoạt nhìn mọi hình thức khác của tình yêu hầu như mờ nhạt đi. Do đó, nảy sinh một câu hỏi : có phải mọi hình thức của tình yêu cuối cùng cũng kết hợp lại với nhau, và tình yêu - dù có khác biệt trong mọi hình thức - vẫn là một, hay trái lại chúng ta sử dụng một từ để chỉ nhiều thực tại khác biệt nhau?

“EROS” và “AGAPE” – khác biệt và thống nhất

3. Tình yêu giữa người nam và người nữ không xuất phát từ suy tư và ý chí nhưng thống trị con người trọn vẹn ; người Hy Lạp gọi tình yêu đó là *eros* (tình ái). Phải nhắc lại rằng, Cựu Ước chỉ sử dụng từ eros có 2 lần, trong khi Tân Ước không hề sử dụng : trong 3 thuật ngữ Hy Lạp về eros (tình yêu), *philỉa* (tình bạn), *agape* (bác ái) - các tác phẩm Tân Ước chỉ sử dụng từ cuối cùng, nhưng từ này lại rất ít dược dùng trong ngôn ngữ Hy Lạp. Quan niệm tình bạn (philia) được Phúc Âm Thánh Gioan sử dụng và đào sâu ý nghĩa, để làm nổi bật quan hệ giữa Đức Glêsu với các môn đệ của Người. Việc không sử dụng từ *eros* và cái nhìn mới vế tình yêu nổi bật trong từ *agape,* chắc chắn cho thấy điếu cơ bản trong cái mới của Kitô giáo về cách hiểu tình yêu. Trong việc phê phán Kitô giáo, được triển khai triệt để từ thời Triết lý Ánh Sáng, điều mới mẻ này bị đánh giá cách tiêu cực. Theo Friedrich Nietzsche, Kitô giáo đã đầu độc *eros* (tình ái) ; tình ái nếu không bị triệt tiêu thì cũng trở thành tật xấu [1]. Triết gia người Đức này muốn nói lên một quan niệm rất phổ biến : Hội Thánh, với lề luật và giới cấm của mình, đã chẳng ngăn cản chúng ta hưởng thụ điếu tốt đẹp nhất trong cuộc sống đó sao ? Hội Thánh đã chẳng dựng bảng cấm ngay tại niềm vui đã được Đấng Sáng tạo trù liệu sẽ đem lại cho ta một niềm hạnh phúc khiến ta được nếm trước hương vị thần linh đó sao ?

4. Có thật như thế không ? Có phải Kitô giáo thực sự thủ tiêu eros không ? Chúng ta hãy nhìn vào thế giới trước khi có Kitô giáo. Cũng tương tự như ở các nền văn hoá khác, người Hy Lạp trước tiên nhìn trong *eros* một sự say đắm, lý trí bị một sự "điên dại thần bí" thống

trị, bứt con người ra khỏi hiện thực hạn hẹp của mình và trong tình trạng bị quyền lực thần linh này thống trị, sẽ đưa họ đến cảm nghiệm sự diễm phúc cao độ nhất. Tất cả các quyền lực khác giữa trời và đất đều trở thành thứ yếu : *''Omnia vincit Amor" (tình yêu vượt thắng tất cả),* đó là câu nói của thi sĩ Virgile trong tập Bucolica. Và ông côn thêm : *''Et nos cedamus amori" (và cả chúng ta hãy khuất phục trước tình yêu)* [2]. Trong các tôn giáo thái độ này ẩn tàng trong các hình thức phụng thờ sự phong phú về mặt sinh sản ; việc "mại dâm thánh" nở rộ trong các đến thờ cũng thuộc về thứ phượng tự này. *Eros* được cử hành như một sức mạnh thần linh, như một sự kết hợp với thần linh.

Cựu Ước kiên quyết chống lại hình thức tôn giáo này, vì xem đó như một thứ cám dỗ mạnh mẽ chống lại niềm tin độc thần và như một thứ lệch lạc tôn giáo. Dù vậy, Cựu Ước không phủ nhận eros theo đúng ý nghĩa của nó, nhưng chiến đấu chống lại hình thức hủy hoại của nó. Vì sự thần thánh hoá eros cách sai lệch, diễn ra ở đây, làm mất đi phẩm giá của nó yà chà đạp con người. Các cô gái điếm trong đền thờ, phải đem lại sự say sưa thần thánh, lại không được đối xử như con người và nhân vị, nhưng phục vụ như các đối tượng để đem lại "cơn điên thần bí" : trong thực tế, họ không phải là các nữ thần, nhưng chỉ là những con người bị lạm dụng. Vì thế *eros* vô luân và điên đảo không phải là sự vươn lên, "ngất trí đến với thần linh", nhưng là sự sa đọa của con người. Rõ ràng, *eros* cần sự thanh luyện, để nó không chỉ đem lại cho con người chút khoái lạc chóng qua, nhưng là một sự nếm trước đỉnh cao của cuộc sống - một thứ diễm phúc mà cuộc dời chúng ta hướng đến.

5. Từ cái nhìn ngắn ngủi về hình ảnh của eros trong lịch sử và trong hiện tại, chúng ta thấy có hai chiều kích rõ rệt. Chiều kích thứ nhất, tình yêu có liên hệ với Thiên linh : tình yêu hứa ban sự vô hạn, vĩnh cửu - sự cao cả và hoàn toàn khác với thực trạng hằng ngày của chúng ta. Đồng thời cũng cho thấy, con đường để đạt đến đó không phải chỉ đơn thuần là tùng phục bản năng. Sự thanh luyện và trưởng thành rất cần thiết, và các điều này phải kinh qua con đường từ bỏ. Đây không phải là phủ nhận, cũng không phải là ''đầu độc" *eros,* nhưng là chữa lành để đạt được sự cao cả thực sự của nó.

Điều này tùy thuộc trước tiên vào quan niệm về bản chất của con người gồm hồn và xác. Con người thực sự là chính mình, khi hồn xác tìm được sự hợp nhất nội tại ; thách đố của *eros* chỉ có thể vượt thắng khi sự hợp nhất này được thành tựu. Nếu con người chỉ muốn mình là tinh thần và hạ giá thân xác như gia sản động vật, thì hồn xác sẽ mất đi phẩm giá của mình. Và nếu như họ phủ nhận tinh thần và nhìn vật chất, thân thể của họ, mới là

thực tại duy nhất, họ cũng lại đánh mất sự cao cả của mình. Triết gia Gassendi thuộc trường phái Epicure hưởng lạc chào hỏi Descartes cách hóm hỉnh : ''Ô ! Hồn ơi !'' Và triết gia Descartes đáp lại : 'Ô ! Xác ơi !'' Thế nhưng không phải chi có hồn hay chỉ có xác mới yêu - con người, nhân vị, yêu như một thụ tạo duy nhất và đơn nhất, bao gồm cả hồn lẫn xác. Chỉ khi đó, tình yêu - *eros* - mới đạt được sự cao cả thực sự của mình.

Kitô giáo trong quá khứ bị kết án là thù ghét thân xác, và ngày nay xu hướng này vẫn còn. Thế nhưng cách tôn vinh thân xác mà chứng ta thấy ngày hôm nay chỉ là dối trá. *Eros* (tình ái) bị hạ giá xuống thành *sex* (tình dục), trở thàng hoá, thành "vật phẩm" ; người ta có thể mua hay bán nó, thật vậy, chính con người cũng trở thành hàng hoá. Trong thực tế, điều này không phải là tiếng nói đồng ý cao cả của con người đối với thân xác mình. Ngược lại, họ nhìn thân xác và giới tính chỉ là chất liệu đơn thuần nơi bản thân mình mà họ có thể sử dựng và khai thác tuỳ ý. Phần vật chất này không nằm trong bình diện của sự tự do, nhưng là một cái gì mà con người theo cách thức của mình tìm cách để hưởng thụ mà không có hại. Trong thực tế, chúng ta đứng trước một sự hạ giá thân xác con người ; thân xác này không còn được hội nhập vào sự trọn vẹn của tự do trong đời sống chúng ta, không còn là dấu chứng sống động của toàn bộ cuộc sống của chúng ta, nhưng bị đẩy lùi vào bình diện sinh lý. Việc tôn vinh giả tạo thân xác có thể mau chóng trở thành thù ghét chính thân xác. Ngược lại, niềm tin Kitô giáo luôn nhìn con người như là một hữu thể gồm cả hồn lẫn xác, nơi họ, tinh thần và vật chất nối kết chặt chế với nhau và cả hai cảm nghiệm được sự cao quý mới. Vâng *eros* muốn đưa chúng ta đến bầu khí thần linh, vượt lên khỏi chúng ta, vì thế nó đòi buộc một con đường vươn lên, từ bỏ, luyện và chữa trị.

6. Làm thế nào chúng ta trình bày cách cụ thể con đường vươn lên và thanh luyện này ? Chúng ta phải sống tình yêu như thế nào, để sự hứa hẹn mang tính nhân bản và thiên linh của nó được thành tựu ? Chúng ta tìm gặp hướng dẫn đầu tiên và quan trọng trong sách Diễm Ca, một trong các sách của Cựu Ước, quyển sách mà các nhà thần bí rất quen thuộc. Theo cách giải thích ưu thế nhất ngày hôm nay, thì các bài thơ tạo thành quyển sách này, nguyên thủy là các bài tình ca, có lẽ được dành cho các lễ cưới của người Israel, trong ngày lễ đó các bài thơ muốn tôn vinh tình yêu hôn nhân. Điều đáng nói là trong quyển sách này có hai từ khác biệt để nói về tình yêu. Trước tiên là thuật ngữ *dodim* - một từ thuộc số nhiều diễn tả một tình yêu còn chưa chắc lấm, còn trong tình trạng tìm hiểu, chưa xác định. Từ này được thay thế bằng từ *ahaba,* mà trong cách chuyển ngữ ra tiếng Hy Lạp của Cựu

ước được dịch bằng từ *agape* có âm vang tương tự và - như chúng ta thấy - đã trở thành từ ngữ đặc thù cho cách hiểu theo Thánh Kinh về tình yêu. Ngược lại với tình yêu còn đang tìm hiểu và chưa xác định, từ này diễn tả cảm nghiệm tình yêu, trở thành một khám phá đích thực người khác, qua đó vượt thắng được cái tôi ích kỷ mà trước đó vẫn luôn chế ngự. Tình yêu bấy giờ trở thành sự chăm sóc người khác và cho người khác. Tình yêu không còn tìm cho chính bản thân mình - sự chìm đắm trong say mê hạnh phúc - nhưng chỉ muốn điều tốt lành cho người mình yêu : tình yêu trở thành sự từ bỏ, sẵn sàng trở thành lễ vật, vâng, tình yêu muốn như thế.

Để thăng tiến và thanh luyện chiều sâu, tình yêu cần sự dứt khoát theo một ý nghĩa kép : theo nghĩa dứt khoát - ''duy chỉ một người mà thôi'' - và theo nghĩa ''vĩnh viễn''. Tình yêu bao trùm toàn bộ cuộc sống trong mọi chiều kích của nó, kể cả chiều kích thời gian. Điều này không thể khác đi được vì sự hứa hẹn của nó nhắm vào sự dứt khoát : tình yêu nhắm vào sự vĩnh cửu. Vâng, tình yêu là ''xuất thần,'' nhưng xuất thần không theo nghĩa một thoáng đam mê, xuất thần như là con đường vững chắc bước ra
khỏi cái tôi đóng kín để tự do dâng hiến cái tôi của mình, để cho đi và qua đó để tìm được chính mình, vâng, để tìm được Thiên Chúa. Đức Giêsu nói : *''Ai tìm cách giữ mạng sống mình, thì sẽ mất, còn ai liều mất mạng sống mình, thì sẽ bảo tồn được mạng sống”* (Lc 17,33) - một lời được nhắc lại nhiều lần trong các sách Phúc Âm (x. Mt 10,39 ; 16,25 ; Mc 8,35 ; Lc 9,24 ; Ga 12,25). Với lời này, Đức Giêsu mô tả chính con đường của mình, qua thập tự để đến Phục sinh - con đường của hạt lúa, rơi vào lòng đất, chết đi để mang lại nhiều hoa trái ; nhưng Người cũng diễn tả bản chất của tình yêu và cuộc sống con người nói chung, khởi đi từ trọng tâm hy tế bản thân Người và từ tình yêu viên mãn của Người.

7. Những suy tư triết lý về bản chất của tình yêu đưa chúng ta đến niềm tin theo Thánh Kinh. Khởi đầu là câu hỏi, những ý nghĩa khác biệt, đôi khi đối nghịch nhau của từ "tình yêu" một cách nào đó đều hướng về một sự thống nhất nội tại, hay là chúng đứng cận kề không liên hệ gì với nhau cả, đặc biệt là câu hỏi : sứ điệp được rao giảng trong Thánh Kinh và Thánh Truyền của Giáo Hội về tình yêu có liên hệ gì với cảm nghiệm tình yêu của con người cách chung hay chống lại cảm nghiệm đó. Về vấn đề này, chúng ta gặp cả hai từ căn bản, *eros* như là cách trình bày tình yêu "trần thế, và *agape* như là cách diễn tả tình yêu được đặt nền tảng trên đức tin và được nhào nặn bởi đức tin. Cả hai thường bị đặt đối kháng với nhau như là một thứ tình yêu "đi lên" và một thứ tình yêu ''đi xuống" ; còn có

những cách phân loại khác tương tự, ví dụ như cách phân biệt tình yêu "ham muốn" và tình yêu "ban tặng" *(amor concupiscentiae - amor benevolentiae),* đôi khi người ta cũng thêm vào thứ tình yêu hưởng thụ.

Trong cuộc trao đổi triết học và thần học, những phân biệt này được đưa lên thành những đối kháng : tình yêu theo quan niệm Kitô giáo là *agape,* tình yêu đi xuống và dâng hiến ; ngược lại, tình yêu *eros* không thuộc về Kitô giáo, đặc biệt thuộc văn hoá Hy Lạp, là tình yêu đi lên và ham muốn. Nếu như người ta đưa việc đối kháng này đến mức triệt để, thì điểm đặc thù của Kitô giáo sẽ bị tách ra khỏi những liên hệ căn bản của cuộc sống con người và trở thành một thế giới đặc biệt, người ta có thể nhìn ngắm một cách kinh ngạc, nhưng lại bị cắt khỏi sự toàn diện của đời sống con người. Trong thực tế, *eros* và *agape* - tình yêu đi lên và đi xuống - không bao giờ tách biệt nhau. Khi cả hai càng hợp nhất đúng đắn dưới mọi chiều kích khác biệt trong một thực tại tình yêu duy nhất, thì bản chất chân thật của tình yêu càng tỏ hiện rõ ràng. Cho dù khởi đầu *eros* còn mang tính chất khả giác và vươn lên - hấp dẫn vì hứa hẹn hạnh phúc – nhưng khi đến với người khác, con người sẽ không luôn hướng về mình, mà luôn ước muốn đem lại hạnh phúc cho người khác, luôn chăm sóc đến họ, tự hiến chính mình và muốn hiện diện cho họ. Đó là lúc *agape* xen vào trong họ, nếu không như thế, con người sẽ bị hụt hẫng và đánh mất chính bản chất của mình. Ngược lại, con người không còn khả năng sống đơn thuần trong tình yêu ban tặng và đi xuống. Con người không thể cho mãi, họ cũng phải đón nhận. Ai muốn ban tặng tình yêu thì chính họ cũng được lãnh nhận tình yêu. Chắc chắn, con người có thể - như Chúa nói - trở thành nguồn mạch, từ đó tuôn trào nước hằng sống (x. Ga 7,37-38). Nhưng để có thể trở thành ngốn mạch như thế, họ phải luôn được uống nơi nguồn mạch đầu tiên, nguyên thủy, nơi Đức Giêsu Kitô, từ cạnh sườn được khai mở của Người, tình yêu của Thiên Chúa luôn tuôn trào (x. Ga 19,34).

Các giáo phụ nhìn trình thuật về cái thang của Giacóp như tượng trưng cho liên hệ bất khả phân ly của việc vươn lên và hạ xuống, của *eros* đi tìm Thiên Chúa và *agape* trao lại hồng ân nhận được bằng nhiều cách thức. Bản văn Kinh Thánh này tường trình câu chuyện tổ phụ Giacóp khi gối đầu trên một viên đá, đã mộng thấy một cái thang vươn tới trời, trên đó có các thiên thần lên lên xuống xuống (x. St 28,12 ; Ga l,51). Đức Giáo hoàng Grêgôriô Cả đã giải thích hình ảnh của giấc mộng này cách đánh động trong tác phẩm *Quy tắc Mục vụ* của ngài. Ngài nói với chúng ta rằng, vị mục tử chân chính phải sống thâm sâu trong

chiêm niệm. Vì chỉ như thế, vị ấy mới có thể đón nhận những nhu cầu của kẻ khác trong chính thâm tâm của mình, đến độ những nhu cầu đó trở nên chính nhu cầu của chính mình : *''per pietatis viscera in se infirmitatem caeterorum transferat" (nhờ lòng đạo đức ngài có thể chuyển sự yếu đuối của những người khác vào mình)* [4]. Đức Giáo hoàng Grêgôriô dẫn chứng Thánh Phao lô, người được đưa lên khỏi bản thân mình để tiến vào các mầu nhiệm cao cả của Thiên Chúa và khi trở xuống, ông đã trở nên tất cả cho mọi người (x. 2Cr 12,2-4 ; lCr 9,22). Đức Giáo hoàng còn đưa thêm mẫu gương của Môsê, vị thường bước vào Lều Thánh để đàm đạo với Thiên Chúa, để từ Thiên Chúa trở về, ông có thể hiện diện cho dân mình : *"Trong (Lều Thánh) được ngây ngất trong sự chiêm niệm, (bên ngoài lều Thánh) ông tự để cho gánh nặng của những người khổ đau đổ ụp lên mình - (intus in contemplationem rapitur, foris infirmantium negotiis urgetur)* [5].

8. Như thế, chúng ta đã tìm được một câu trả lời đầu tiên, nhưng vẫn còn chung cho cả hai vấn nạn được nêu bên trên : trên căn bản, tình yêu là một thực tại duy nhất, nhưng lại có nhiều chiều kích khác nhau - tùy trường hợp, có thể chiều kích này nổi trội hơnl chiều kích kia. Nhưng nơi nào cả hai chiều kích bị tách biệt nhau, thì sẽ xuất hiện một bức ký hoạ hay có khi một hình thức què quặt của tình yêu. Trên căn bản chúng ta đã thấy, mềm tin theo Thánh Kinh không tạo nên một thế giới bên cạnh hay một thế giới nghịch lại với hiện tượng nguyên thủy của con người là tình yêu, nhưng đón nhận con người trọn vẹn, can thiệp vào sự tìm kiếm tình yêu của họ để thanh luyện và từ đó khai mở cho họ những chiều kích mới. Cái mới của niềm tin theo Thánh Kinh tỏ hiện trước tiên trong hai điểm, xứng đáng dể được làm nổi bật : trong hình ảnh của Thiên Chúa và trong hình ảnh của con người.

Cái mới của niềm tin theo Thánh Kinh

9. Trước tiên là hình ảnh mới mẻ của Thiên Chúa. Trong những nền văn hóa vây quanh thế giới của Thánh Kinh, cuối cùng thì hình ảnh của Thượng đế và của các thần thánh không được rõ ràng và đối chọi nhau. Ngược lại, trên con đường đức tin theo Thánh Kinh thì điều này lại rõ ràng và độc đáo hơn như lời kinh căn bản của Israel, là kinh *Schema* gồm tóm trong câu : *"Nghe đây, hỡi Israel ! Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất"* (Đnl 6,4). Chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, Người là Đấng Sáng Tạo trời đất và là Thiên Chúa của mọi người. Có hai điều trong khẳng định độc đáo này : tất cả các thần thánh khác không phải là Thiên Chúa và tổng thể thực tại, nơi chúng ta đang sống, đều thuộc về Thiên Chúa, do chính Người sáng tạo. Đương nhiên có rất nhiều tư tưởng về sáng tạo ở các

nơi, nhưng ở đây điều này rất rõ ràng là không phải bất cứ Thiên Chúa nào, nhưng là Thiên Chúa duy nhất, chân thật, là nguyên ủy của toàn thể thực tại, thực tại này xuất phát từ quyền lực của lời Người sáng tạo. Điều đó có nghĩa là, thụ tạo rất thân thiết với Người, chỉ vì Người đã muốn và đã sáng tạo chúng như thế. Từ đó xuất hiện yếu tố quan trọng thứ hai : Thiên Chúa yêu thương con người. Quyền lực thần linh, mà triết gia Aristote, ở đỉnh cao của triết học Hy Lạp, tìm cách nắm bắt qua suy tư, là đối tượng đáng khao khát và yêu thương của mọi hữu thể - như đối tượng được yêu mến, Thượng Đế này làm chuyển động vũ trụ [6] – nhưng Thượng Đế này không cần gì cả và cũng không yêu, nhưng chỉ được yêu. Thiên Chúa duy nhất mà Israel tin tưởng, chính Người cũng yêu. Tình yêu của Người là một tình yêu tuyển chọn. Từ giữa muôn dân, Người đã chọn Israel và yêu dân này - đương nhiên với mục đích để chữa trị toàn thể nhân loại. Người yêu, và người ta có thể xem tình yêu của Người là *eros,* nhưng cũng đồng thời là *agape* [7].

Hai vị ngôn sứ Hôsê và Êdêkien đã đặc biệt diễn tả đam mê của Thiên Chúa đối với dân Người bằng những hình ảnh từ ái táo bạo. Liên hệ giữa Thiên Chúa với Israel được trình bày bằng hình ảnh hôn ước và hôn nhân ; vì thế việc thờ tà thần được xem như là ngoại tình và đĩ điếm. Qua đó, như chúng ta đã thấy người ta muốn nhắm đến việc thờ phượng sự phong phú về mặt sinh sản với sự lạm dụng *eros,* nhưng đồng thời, người ta cũng diễn tả mối liên hệ trung tín giữa Israel và Thiên Chúa của mình. Lịch sử tình yêu của Thiên Chúa với Israel nằm trong chiếu kích sâu thẳm ở chỗ, Người ban cho họ *Torah* (Lề luật) có nghĩa là mở mắt họ cho thấy rõ bản chất đích thực của con người và vạch cho họ con đường để trở thành con người đúng đắn. Lịch sử này bao gồm sự việc : con người khi sống trung tín với Thiên Chúa duy nhất, sẽ cảm nghiệm mình là người yêu của Thiên Chúa và tìm được niềm vui trong chân lý, trong công bình - niềm vui trong Thiên Chúa, niềm vui đó trở thành hạnh phúc thật của mình : *"Con còn ai chốn trời xanh Ban Ngài thế sự thật tình chẳng ham.... Còn hạnh phúc của con là ở* kề *bên Chúa* (Tv 72 [73],25.28).

16. Như chúng ta đã nói, *eros* của Thiên Chúa đối với con người cũng hoàn toàn là *agape.* Không phải chỉ vì *eros* được ban tặng cách hoàn toàn nhưng không, không do một công trạng bào trước đó, mà còn vì đó là tình yêu tha thứ. Trước hết, ngôn sứ Hôsê chỉ cho chúng ta thấy chiều kích *agape* của tình yêu Thiên Chúa đối vôi con người vượt xa phương diện "nhưng không". Israel làm gãy đổ cuộc "hôn nhân" - đó là giao ước ; đáng lý ra Thiên Chúa phải xử phạt và loại bỏ dân tộc này. Nhưng chính lúc đó con người được thấy Thiên

Chúa là Thiên Chúa chứ không phải một con người : *"Hỡi Ephraim, Ta từ chối ngươi sao nổi ! Hỡi Israel, Ta trao nộp ngươi sao đành… Tim Ta quay lại chống chính Ta, sự thương cảm của Ta ray rứt Ta. Ta không muốn thẳng tay thực hiện cơn giận của Ta và một lần nữa tiêu diệt Ephraim. Vì Ta là Thiên Chúa, chứ không phải người phàm, Đấng Thánh ở* giữa *ngươi* (Hs 11,8-9). Tình yêu mãnh liệt của Thiên Chúa đối với dân Người - đối với nhân loại - cũng đồng thời là tình yêu tha thứ. Tình yêu này cao cả đến độ Thiên Chúa chống lại chính mình, tình yêu của Người chống lại công lý của Người. Người Kitô hữu nhìn thấy mầu nhiệm Thập giá đang ẩn tàng trong đó : Thiên Chúa yêu thương con người đến độ trở thành con người, chạy theo họ cho đến độ đi vào cõi chết và với cách thức này đã giao hoà công lý với tình yêu.

Điều đáng chú ý về mặt triết học và lịch sử tôn giáo trong cái nhìn của Thánh Kinh nằm ở chỗ, một mặt có thể nói chúng ta có trước mặt mình một hình ảnh Thiên Chúa thuần túy siêu hình : Thiên Chúa là nguồn gốc nguyên thủy của mọi hữu thể ; nhưng nguồn gốc sáng tạo vạn vật – Ngôi Lời, lý trí nguyên thủy - cũng đồng thời là một con người yêu với một tình yêu thực sự đam mê. Như thế, eros được nâng lên hàng cao quý tột đỉnh, nhưng đồng thời được thanh luyện, để eros tan biến vào trong *agape*. Từ đó chúng ta có thể hiểu, tác phẩm Diễm Ca được đón nhận vào Kinh Bộ Sách Thánh, được giải thích như là những bản tình ca, cuối cùng chỉ để diễn tả liên hệ giữa Thiên Chúa với con người và liên hệ giữa con người với Thiên Chúa. Với cách thức đó, sách Diễn Ca trong văn chương Do Thái cũng như Kitô giáo trở thành nguồn cho nhận thức và cảm nghiệm thần bí, trong đó bản chất của niềm tin theo Thánh Kinh được bộc lộ cách rõ ràng : Vâng, có một sự kết hợp của con người với Thiên Chúa - đó là giấc mơ nguyên thủy của con người - nhưng sự kết hợp này không phải là sự tan biến, chìm sâu vào một đại dương vô danh của thần tính, nhưng là sự hợp nhất tạo nên tình yêu, trong đó cả hai - Thiên Chúa và con người - ở lại trong tình yêu và hoàn toàn trở thành một. Thánh Phaolô nói : *"Ai đã kết hợp với Chúa, thì nên một tinh thần với Người"* (lCr 6,17).

11. Cái mới đầu tiên của niềm tin theo Thánh Kinh, như chúng ta thấy, nằm ở hình ảnh của Thiên Chúa ; cái thứ hai, liên hệ chặt chẽ với điều trên, chúng ta gặp trong hình ảnh của con người. Trình thuật sáng tạo của Thánh Kinh nói về sự cô đơn của Ađam, con người đầu tiên, mà Thiên Chúa muốn ban cho một sự hỗ trợ thật gần gũi. Không có một thụ tạo nào có thể trở thành sự hỗ trợ cần thiết cho ông, dù ông có đặt tên cho tất cả thú vật ngoài

đồng và mọi chim trời và như thế đã khiến chúng có hên hệ đến cuộc sống của ông. Từ xương sườn của người đàn ông, Thiên Chúa đã tạo dựng nên người đàn bà. Bấy giờ Ađam mới tìm thấy sự hỗ trợ mà ông cần : ''Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi" (St 2,23). Trong câu này, người ta có thể thấy nhiều quan niệm, tỷ dụ như quan miệm được huyền thoại của Platon gợi lên, con người nguyên thủy mang hình dáng một khối tròn, có nghĩa là hoàn toàn đầy đủ cho chính mình, nhưng thần Zeus chặt con người ra làm đôi để phạt vì tội kiêu ngạo, thế nên từ đó con người luôn tìm phân nửa kia của mình, luôn hướng về đó, để tìm lại tính trọn vẹn của mình. Trình thuật Thánh Kinh không nói gì đến hình phạt, nhưng vẫn có tư tưởng là con người một cách nào đó vẫn chưa trọn vẹn - từ bản chất của mình vẫn đang đi tìm trong người khác phần bổ sung để đạt được sự trọn vẹn của mình ; con người chỉ trọn vẹn khi kết hợp giữa người đàn ông và người đàn bà : Trình thuật Thánh Kinh kết thúc bằng một lời tiên tri về Ađam : *"Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt"* (St 2,24).

Ở đây có hai điều quan trọng : *eros* như được cắm rễ sâu trong bản tính của con người. Ađam luôn đi tìm và ''lìa cha mẹ", để tìm người đàn bà ; cả hai hợp lại mới nói lên tính trọn vẹn của con người, cả hai trở thành một xương một thịt". Điếu thứ hai cũng quan trọng không kém : ngay từ lúc sáng tạo, *eros* hướng con người đến hôn nhân, đến sự ràng buộc, đến sự duy nhất và dứt khoát. Chỉ như thế định mệnh sâu xa của con người mới được thực hiện. Hôn nhân một vợ một chồng đáp ứng với hình ảnh Thiên Chúa độc thần. Hôn nhân căn cứ trên một tình yêu đơn nhất và dứt khoát, trở thành cách trình bày sự liên hệ giữa Thiên Chúa với dân Người : cách thức Thiên Chúa yêu trở thành tiêu chuẩn cho tình yêu của con người. Trong văn chương ngoài Thánh Kinh, người ta không thể nào tìm thấy những suy tư tương tự như việc nối kết chặt chẽ giữa *eros* và hôn nhân trong Thánh Kinh.

Đức Giêsu Kitô - Tình yêu trở thành xác thể của Thiên Chúa

12. Cho đến bây giờ, chúng ta chủ yếu nói đến Cựu Ước, nhưng việc thẩm thấu nội tại của hai Giao ước cho thấy rõ ràng đó chỉ là một Sách Thánh duy nhất của niềm tin Kitô giáo. Điều mới mẻ thật sự của Tân Ước không phải là các tư tưởng mới, nhưng chính là hình ảnh của Đức Kitô, Đấng ban cho tư tưởng thịt và máu, một hiện thực chưa từng có. Trong Cựu Ước cái mới của Thánh Kinh không nằm trong tư tưởng, nhưng nằm trong hành động đột xuất và độc đáo của Thiên Chúa. Hành động này của Thiên Chúa mang lấy hình thức bi thảm trong sự kiện, chính Thiên Chúa trong Đức Giêsu Kitô chạy theo ''con chiên bị thất lạc'',

chạy theo nhân loại đau khổ và bị tiêu vong. Khi Đức Giêsu trong các dụ ngôn nói về người mục tử chạy theo con chiên bị lạc mất, về người đàn bà đi tìm đồng bạc bị đánh rơi, về người cha chạy đến người con đi hoang và ôm nó vào lòng, thì đấy không những chỉ là những lời nói, nhưng là những cách giải thích bản chất và hành động của chính Người. Trong cái chết thập tự của Người, việc ''Thiên Chúa quay lại chống đối chính mình'' đạt đến mức tuyệt đỉnh, khi Người tự hiến chính mình, để nâng con người lên và cứu độ họ - đó là tình yêu trong hình thức triệt để nhất. Cái nhìn vào cạnh sườn bị đâm thâu của Đức Giêsu, mà
thánh Gioan nói đến (x. Ga 19,37) giúp chúng ta hiểu khởi điểm của Thông điệp này : *''Thiên Chúa là tình yêu"* (1Ga 4,8). Nơi đó, chân lý này có thể được nhìn ngắm. Và cũng từ đó có thể định nghĩa tình yêu là gì. Từ cái nhìn này, người Kitô hữu tìm được con đường để sống và để yêu.

13. Đức Giêsu làm cho hành động tận hiến này được tồn tại mãi qua việc Người thiết lập Bí tích Thánh Thể trong bữa Tiệc cuối cùng. Người tiền dự cái chết và sự Phục sinh trong giây phút này, khi trao ban chính mình cho môn đệ trong bánh và rượu, trao ban Mình và Máu Người như Manna mới (x Ga 6,31-33). Thế giới ngày xưa đã thoáng thấy rằng của ăn đích thực của con người - điều nhờ đó mà con người sống đúng là người - xét cho cùng chính là Logos, là Minh Trí vĩnh hằng, chính Logos đó giờ đây thật sự trở thành lương thực cho chúng ta - với tính cách là tình yêu Bí tích Thánh Thể lôi kéo chúng ta vào hành động tận hiến của Đức Giêsu. Chúng ta không chỉ đón nhận Logos nhập thể, nhưng còn được lôi kéo vào sức năng động của sự tận hiến của Người. Hình ảnh hôn nhân giữa Thiên Chúa và Israel đã trở thành hiện thực trong một cách thức không thể nào tưởng tượng nổi : việc đứng trước tôn nhan Thiên Chúa bây giờ, nhờ thông phần vào hy lễ của Đức Giêsu, thông phần vào Mình Máu Người, trở thành sự kết hợp. Tính "thần bí" của bí tích, căn cứ vào việc Thiên Chúa hạ mình đến với chúng ta. Được thực hiện ở một mức độ hoàn toàn khác biệt, và nâng chúng ta lên những tầm cao vĩ đại, hơn hẳn bất cứ sự vươn cao mang tính thần bí nào khác của con người.

14. Bây giờ chúng ta chú tâm vào một điểm khác : sự ''thần bí của bí tích có đặc tính xã hội, vì khi hiệp lễ, tôi được kết hợp với Chúa cũng như với mọi người cùng hiệp lễ : “bởi vì chỉ có một tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một Bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể" (lCr 10,17). Việc kết hợp với Đức Kitô cũng đồng thời là một sự

kết hợp với những kẻ khác, với những người mà Chúa tự hiến cho. Tôi không thể dành riêng Đức Kitô cho một mình tôi, tôi chỉ có thể thuộc về Người trong cộng đoàn cùng với những ai đã thuộc về Người hay sẽ thuộc về Người. Sự hiệp lễ kéo tôi ra khỏi bản thân để đến với Người và đồng thời đi vào sự hợp nhất với tất cả mọi người Kitô hữu. Chúng ta trở thành ''một thân thể'', một sự hiện hữu tan biến vào trong nhau. Tình yêu đối với Thiên Chúa và tình yêu đối với tha nhân đã thực sự kết hợp lại với nhau : Thiên Chúa hoá thành người, lôi kéo tất cả chúng ta về với Người. Từ đó phải hiểu rằng tại sao *agape* lại trở thành một tên gọi của Bí tích Thánh Thể : trong Thánh Thể, Tình Yêu *(agape)* của Thiên Chúa mang tính xác phàm đến với chúng ta, để trong chúng ta và qua chúng ta tiếp tục thực hiện công trình của Người. Từ nền tảng Kitô học mang tính bí tích, chúng ta có thể hiểu cách đúng đắn giáo lý tình yêu của Đức Giêsu. Sự hướng dẫn của Người đưa từ lề luật và các ngôn sứ, hướng về giới răn kép *''mến Chúa và yêu người",* cơ sở của cả đời sống đức tin xuất phát từ mệnh lệnh này, không chỉ là luân lý có thể hiện diện cách độc lập bên cạnh niềm tin vào Chúa Kitô và sự hiện diện của Người trong bí tích : đức tin, phượng tự và *ethos* (đạo đức) thấm nhập vào nhau như một thực tại duy nhất tạo thành *agape* trong sự gặp gỡ với Thiên Chúa. ở đây, việc đối kháng thông thường giữa phượng tự và đạo đức tan biến đi : sự kiện ''được yêu" và lại yêu thương những người khác, nằm ngay trong chính "phượng tự", trong cộng đoàn thánh thể. Bí tích Thánh Thể, nếu như không đưa đến hành động thực tiễn của tình yêu, sẽ tự nó trở thành vụn vặt, và ngược lại - như chúng ta còn phải đào sâu hơn nữa - "giới luật" yêu thương chỉ có thể trở thành khả thi, khi không chỉ là sự đòi buộc : tình yêu có thể trở
thành "bó buộc'', vì trước đỏ tình yêu đã dược ban tặng.

15. Từ đó chúng ta mới có thể hiểu được các dụ ngôn lớn của Đức Giêsu. Người giàu có ăn chơi (x. Lc 16,19-31) từ nơi bị nguyền rủa, van xin cho anh em ông được biết điều gì sẽ xảy đến cho ai không thèm nhìn đến những kẻ khốn cùng. Có thể nói, Đức Giêsu dùng tiếng kêu cầu giúp đỡ này, để nói với chúng ta, để cảnh cáo và để giúp chúng ta đi vào con đường ngay chính. Dụ ngôn người Samaritanô nhân hậu (x. Lc 10,25-37) mang đến cho chúng ta hai giải thích quan trọng. Cho đến nay, quan niệm "người thân cận'' trên căn bản chỉ thu hẹp vào những người đồng hương và những kẻ ngoại bang định cư trên đất nước Israel, như thế chỉ căn cứ trên cộng đồng liên đới của đất nước và của dân tộc, bây giờ ranh giới đó bị loại bỏ : bất cứ ai cần đến tôi và tôi có thể giúp họ, đều là người thân cận của tôi. Ý

niệm "người thân cận" đã trở nên phổ quát và rất cụ thể. Dù có nới rộng đến tất cả mọi người, từ này không được trở thành cách diễn tả một tình yêu xa vời không có gì ràng buộc, nhưng đòi buộc sự dấn thân của tôi cách cụ thể ngay ở đây và bây giờ. Trách nhiệm của Hội Thánh phải luôn luôn giải thích cách mới mẻ liên hệ từ xa đến gần trong đời sống thực hành của các tín hữu của mình. Cuối cùng, cũng phải đặc biệt nhắc đến dụ ngôn tuyệt vời về cuộc phán xét cuối cùng (x. Mt 25,31-46), trong đó tình yêu trở thành tiêu chuẩn cho quyết định dứt khoát về giá trị và không giá trị của đời sống một con người. Đức Giêsu tự đồng hoá mình với những người khốn cùng : những người đói, những người khát, người xa lạ, người trần truồng, người bệnh và cả những người đang ở trong ngục tù: *"Mỗi lần các ngươi làm cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy"* (Mt 25,40). Tình yêu đối với Thiên Chúa và tình yêu đối với con người loà lẫn vào nhau : trong những người bé mọn nhất chúng ta sẽ gặp gỡ chính Đức Giêsu và trong Đức Giêsu chúng ta sẽ gặp gỡ Thiên Chúa.

Tình yêu đối với Thiên Chúa và tình yêu đối với con người.

16. Sau những suy luận về bản chất tình yêu và ý nghĩa của nó trong niềm tin theo Thánh Kinh, vẫn còn một câu hỏi kép liên quan đến thái độ của chúng ta : Chúng ta có thật sự yêu được Thiên Chúa, Đấng là chúng ta không thể thấy và người ta có thể đòi buộc tình yêu hay không ? Có một trở ngại kép được nêu lên từ câu hỏi này để chống lại giới luật kép của tình yêu : Không ai có thể thấy Thiên Chúa thì làm thế nào chúng ta có thể yêu Người ? Và câu khác : người ta không thể bắt buộc yêu, vì đó là một cảm xúc, hoặc có hoặc không, chứ không thể do ý chí được. Hình như Thánh Kinh cũng xác nhận vấn nạn thứ nhất, khi viết *"Nếu ai nói : Tôi yêu mến Thiên Chúa mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối. Vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy"* (1Ga 4,20). Nhưng bản văn hoàn toàn không loại bỏ tình yêu đối với Thiên Chúa như là điều không thể - ngược lại, tình yêu này rõ ràng bị đòi buộc trong mạch văn được trích dẫn trong Thư thứ nhất của Thánh Gioan. Điều được nhấn mạnh chính là mối dây liên kết bất khả phân ly của tình mến Chúa yêu người. Cả hai lệ thuộc vào nhau, đến độ lời quả quyết yêu thương Thiên Chúa sẽ trở thành dối trá, khi con người đóng kín tâm hồn mình lại trước tha nhân hay thù ghét họ. Người ta phải giải thích câu văn này của thánh Gioan như sau : yêu người là một con đường dẫn đến gặp gỡ Thiên Chúa, và quay lưng lại với tha nhân sẽ làm cho chúng ta ra mù loà không gặp được Người.

17. Trong thực tế, chưa có ai thấy Thiên Chúa như chính Người thật sự. Nhưng dù vậy, Thiên Chúa không hoàn toàn vô hình đối với chúng ta, và cũng không để cho chúng ta không thể tiếp cận với Người. Thiên Chúa đã yêu chúng ta trước, Thư thứ nhất của thánh Gioan nói với chúng ta như thế (x. lGa 4,l0) và tình yêu của Thiên Chúa xuất hiện giữa chúng ta, trở nên hữu hình qua việc Người *"đã sai Con Một đến thế gian, để nhờ Con Một của Người mà chúng ta được sống"* (lGa 4,9). Thiên Chúa tự làm cho mình thành hữu hình : trong Đức Giêsu chúng ta có thể chiêm ngắm được Chúa Cha (x. Ga 14,9). Thực vậy, sự hữu hình của Thiên Chúa thật đa dạng. Trong lịch sử tình yêu mà Thánh Kinh tường thuật cho chúng ta, Người đi đến với chúng ta, tìm cách chinh phục chúng ta mãi cho đến bữa Tiệc ly, mãi cho đến trái tim bị đâm thâu trên thập giá, mãi cho đến những lần hiện ra của Đấng Phục sinh và những kỳ công của Người, qua đó Người đã hướng dẫn Hội Thánh mới được hình thành nhờ hoạt động của các Tông đồ. Và trong lịch sử tiếp đó của Hội Thánh, Chúa cũng không vắng mặt : Người luôn luôn tìm đến chúng ta - qua những con người mà Người soi sáng ; qua Lời của Người, trong các bí tích, đặc biệt là Bí tích Thánh Thể. Trong phụng vụ của Hội Thánh, trong lời cầu nguyện, trong cộng đoàn sống động của các tín hữu, chúng ta cảm nghiệm được tình yêu Thiên Chúa, cảm nhận sự hiện diện của Người và học cho biết nhận ra Người trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Người dã yêu chúng ta trước và tiếp tục yêu chúng ta trước ; chính vì thế mà chúng ta có thể đáp trả lại bằng tình yêu. Thiên Chúa không đòi hỏi một tình cảm mà chúng ta không thể khơi lên trong chúng ta. Người yêu chúng ta và cho chúng ta thấy và cảm nhận tình yêu của Người, và từ "bước trước" này của Thiên Chúa, tình yêu nảy sinh trong chúng ta như một lời đáp trả. Trong tiến trình gặp gỡ này, một điều cho chúng ta thấy rõ là tình yêu không phải chỉ là cảm xúc. Cảm xúc đến rồi đi. Cảm xúc có thể là một tia sáng khai mở diệu kỳ, nhưng tổng thể của tình yêu không phải như thế. Ban đầu chúng ta đã nói về tiến trình thanh luyện và trưởng thành, nhờ đó eros đạt được mức trọn vẹn, trở thành tình yêu theo ý nghĩa trọn vẹn của thuật ngữ. Để đạt được mức độ trưởng thành của tình yêu, cần có sự tham gia mọi sức lực của con người, có nghĩa là con người trong tổng thể của mình. Việc gặp gỡ với những biểu lộ hữu hình của tình yêu Thiên Chúa có thể gợi lên trong chúng ta cảm giác hân hoan, đến từ cảm nghiệm rằng mình được yêu. Việc gặp gỡ này đòi hỏi cả ý chí lẫn lý trí của chúng ta. Việc nhận biết Thiên Chúa hằng sống là con đường đi đến tình yêu và tiếng thưa vâng của ý chí chúng ta đối với ý muốn của Người kết hợp sự hiểu biết, ý chí và cảm xúc trở thành một hành động

trọn vẹn của tình yêu. Đây rõ ràng là một tiến tình vẫn luôn chuyển động : tình yêu không bao giờ "kết thúc" và trọn vẹn được ; tình yêu chuyển đổi trong suốt thời gian sống, chín dần và nhờ đó luôn trung thành với chính mình. *Idem velle atque idem nolle* [9] (ao ước một điều và không ao ước cũng một điều đó) là điệu cổ nhân định nghĩa nội dung của tình yêu : người này trở nên giống người kia, điều này đưa đến một sự hợp nhất của ý chí và tư tưởng. Lịch sử tình yêu giữa Thiên Chúa và con người bao hàm sự kiện : sự hiệp thông ý chí tăng triển trong hiệp thông tư tưởng và tình cảm, như thế ý muốn của chúng ta luôn trùng khớp với ý muốn của Thiên Chúa : ý muốn của Thiên Chúa không phải là ý muốn xa lạ đối với tôi, mà các giới luật áp đặt cho tôi từ bên ngoài, nhưng là ý muốn của chính tôi xuất phát từ kinh nghiệm cho thấy, trong thực tế, Thiên Chúa hiện diện rất thâm sâu trong tôi hơn là tôi đối với tôi [10]. Từ đó sự phó thác vào Thiên Chúa càng ngày
càng lớn lên và Thiên Chúa thực sự trở thành niềm vui cho chúng ta (x. Tv 73 [72], 23-28).

18. Tình yêu đối với tha nhân là khả thi theo ý nghĩa được chính Thánh Kinh xác định và do Đức Giêsu công bố. Tình yêu đó cốt tại chính điều này là, trong Thiên Chúa và cùng với Thiên Chúa, tôi yêu người thân cận, cả khi tôi không thích hoặc không biết người đó. Điều này chỉ trở nên khả thể từ cuộc gặp gỡ thâm sâu với Thiên Chúa, một sự gặp gỡ trở thành hiệp thông ý muốn và thâm nhập vào trong tình cảm. Bấy giờ tôi học cách nhìn người khác không phải chi bằng con mắt và tình cảm của riêng tôi, nhưng từ nhãn giới của Đức Giêsu Kitô. Bạn của Người là bạn của tôi. Vượt qua dáng vẻ bên ngoài, tôi thấy được nơi tha nhân sự chờ đợi một cử chỉ yêu thương, một cử chỉ quan tâm mà tôi cho họ, không chỉ qua những cơ quan được tổ chức vì mục đích ấy, chấp nhận họ như một nhu cầu chính trị. Tôi nhìn với đôi mắt của Đức Kitô và có thể trao ban cho tha nhân nhiều hơn là những vật cần thiết bên ngoài : đó là cái nhìn của tình yêu mà họ cần. Ở đây chúng ta thấy được tác động hỗ tương cần thiết giữa tình yêu đối với Thiên Chúa và tình yêu đối với con người mà Thư thứ nhất của Thánh Gioan nhấn mạnh dường ấy. Nếu cuộc dời tôi hoàn toàn thiếu vắng việc tiếp xúc với Thiên Chúa, lúc ấy tôi sẽ nhìn người khác như một kẻ xa lạ và không thể nhận ra hình ảnh Thiên Chúa nơi họ. Nhưng nếu tôi loại bỏ hoàn toàn ra khỏi đời tôi việc hướng đến kẻ khác, để chỉ trở thành "đạo đức", chỉ để thực hiện những "phận vụ tôn giáo" của tôi, thì liên hệ với Thiên Chúa sẽ khô héo ở nơi tôi. Liên hệ này có thể "đúng đắn", nhưng không có tình yêu. Chính sự sẵn sàng của tôi đến với người thần cặn, để minh chứng tình yêu đối với họ, sẽ làm cho tôi dễ cảm nghiệm Thiên Chúa. Chỉ có việc phục vụ tha nhân

mở mắt cho tôi thấy điều Thiên Chúa làm cho tôi và Người đã yêu tôi như thế nào. Các vị thánh - chúng ta nhớ đến mẫu gương của chân phước Têrêsa thành Calcutta - múc lấy khả năng yêu thương của họ đối với tha nhân một cách mới mẻ từ việc tiếp xúc với Chúa trong Bí tích Thánh Thể và ngược lại sự tiếp xúc này trở thành hiện thực và sâu xa trong việc phục vụ tha nhân. Mến Chúa và yêu người không thể tách rời nhau được. Đó chỉ là một giới răn. Cả hai sống nhờ vào tình yêu của Thiên Chúa tuôn xuống chúng ta, Đấng luôn yêu thương chúng ta trước. Như thế sẽ không còn là "giới răn" tự bên ngoài, buộc chúng ta làm những gì không thể làm được, nhưng là một cảm nghiệm tình yêu được ban tặng từ bên trong một tình yêu mà tự bản chất phải được tiếp tục chia sẻ Tình yêu lớn lên nhờ tình yêu. Tình yêu mang tính thiên linh, vì từ Thiên Chúa mà đến và giúp chúng ta kết hợp với Thiên Chúa, và trong tiến trình kết hợp này, giúp chúng ta trở thành một "Chúng tôi", vượt thắng mọi chia rẽ và làm cho chúng ta nên một, để rồi cuối cùng *"Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài"* (I Cr 15,28).

PHẦN THỨ HAI
CARITAS – TÌNH YÊU (BÁC ÁI)
HOẠT ĐỘNG BÁC ÁI CỦA HỘI THÁNH
NHƯ LÀ MỘT “CỘNG ĐOÀN CỦA TÌNH YÊU”

Hoạt động bác ái của Hội Thánh
như cách thể hiện tình yêu mang đặc tính Chúa Ba Ngôi

19, Thánh Augustinô viết : "Nếu anh thấy tình yêu, anh thấy Ba Ngôi cực thánh" [11]. Trong những suy tư trên dây, chúng ta đã hướng cái nhìn của chúng ta vào cạnh sườn được khai mở của Đức Giêsu, nhìn vào Đấng *"họ đã dâm thâu"* (x. Ga 19,37 ; Dcr 12,l0) và qua đó chúng ta có thể nhận ra kế hoạch của Chúa Cha, Đấng vì yêu (x. Ga 3,16) đã sai Con yêu dấu của mình đi vào trần gian, để cứu độ nhân loại. Trong cái chết trên thập tự, như thánh sử Gioan nhấn mạnh, Đức Giêsu đã *"trao ban thần khí"* (x. Ga 19,30) - khởi đầu cho quà tặng là Chúa Thánh Thần mà Người sẽ ban sau khi Phục Sinh (x Ga 20,22). Như thế lời hứa về *"những dòng nước hằng sống"* được ứng nghiệm, những dòng nước nhờ việc tuôn đổ Thánh Thần sẽ tuôn chảy từ nội tâm của các tín hữu (x. Ga 7,38-39). Chúa Thánh Thần là

sức mạnh bên trong làm hòa nhịp trái tim của họ với trái tim của Đức Kitô và thúc đẩy họ yêu thương anh em mình như chính Đức Kitô đã yêu họ, khi Người cúi xuống để rửa chân cho các môn đệ (x. Ga 13,l-13) và đặc biệt khi Người hiến dâng mạng sống của mình cho tất cả (x. Ga 13,l ; 15,la).

Thánh Thần cũng là một sức mạnh chuyển đổi trái tim Cộng đoàn Giáo Hội, để Cộng đoàn trở thành chứng nhân cho tình yêu của Chúa Cha, Đấng muốn làm cho nhân loại trở thành một gia đình duy nhất trong Con của Người. Mọi hoạt động của Hội Thánh đều là sự biểu lộ một tình yêu muốn tìm sự thiện toàn vẹn cho con người : Hội Thánh nỗ lực Phúc Âm hoá con người qua lời và các bí tích - một công việc thường rất anh hùng khi thực hiện trong lịch sử - và tìm cách phát triển con người trong những lĩnh vực khác nhau của cuộc sống và sinh hoạt nhân văn. Như thế tình yêu trở thành việc phục vụ mà Hội Thánh thực hiện để luôn đáp ứng với những đau khổ và nhu cầu kể cả những nhu cầu vật chất của con người. Chính trên bình diện này, trên việc phục vụ tình yêu mà tôi muốn dừng lại trong phần hai của Thông điệp.

Hoạt động bác ái như trách nhiệm của Hội Thánh

20. Tình yêu tha nhân bắt nguồn từ tình yêu Thiên Chúa trước tiên là trách nhiệm của từng người Kitô hữu, nhưng cũng là trách nhiệm của toàn thể cộng đoàn Hội Thánh, đó là nghĩa vụ của mọi cấp : từ cộng đoàn địa phương đến Giáo Hội cùng miền cho đến Hội Thánh hoàn vũ như một tổng thể. Hội Thánh, trên phương diện là cộng đoàn, phải thực thi bác ái. Để được như vậy đòi hỏi việc bác ái cũng có tổ chức như tiền đề cho một sự phục vụ chung có trật tự. Trong Hội Thánh, ngay từ ban đầu, ý thức về trách nhiệm này đã mang đặc tính xây dựng : *''Tất cả các tín hữu hợp nhất với nhau, và để mọi sự làm cửa chung. Họ đem bán đất đai của cải, lấy tiền chia cho mỗi người tùy theo nhu cầu''* (Cv 2,44-45). Thánh Luca tường thuật cho chúng ta điều này, liên kết với một cách định nghĩa Hội Thánh, mà ngài kể ra vài yếu tố căn bản là sự trung thành với ''giáo lý của các Tông đồ'', kiên trì trong sự "hiệp thông' *(koinonia),* với việc ''bẻ Bánh'' và việc ''cầu nguyện'' (x. Cv 2,42). yếu tố “hiệp thông” *(koinonia) ở* đây không được triển khai thêm, nhưng được cụ thể hoá trong câu trích trên đây : sự hiệp thông của họ nằm ở chỗ các tín hữu xem tất cả của cải đều là của chung và giữa họ không có sự phân biệt giàu nghèo (x. Cv 4,32-37). Hình thức triệt để của việc hiệp thông vật chất không thể giữ được trước sự tăng triển của Hội Thánh. Nhưng điều

cốt lõi vẫn còn tồn tại : giữa cộng đoàn các tín hữu không thể có sự nghèo đói, như việc có người bị từ chối những nhu cầu cần thiết cho một cuộc sống xứng đáng với nhân phẩm.

21. Việc tuyển chọn bảy người đàn ông, là khởi điểm cho phận vụ phó tế (x. Cv 6,5-6), cho thấy một bước quyết định trong việc tìm kiếm khó khăn những giải pháp để thực hiện nguyên tắc căn bản của Hội Thánh. ớ đây nói về sự bất bình đẳng trong việc chăm sóc hằng ngày cho các bà goá giữa nhóm nói tiếng Hípri và nhóm nói tiếng Hy Lạp trong Giáo Hội tiên khởi. Các vị Tông đồ, mang trách nhiệm ''cầu nguyện'' (Thánh lễ và phụng vụ) và ''phục vụ lời'', cảm thấy việc "phục vụ bàn ăn'' là quá tải đối với các ngài ; các ngài quyết định vẫn tiếp tục với phận vụ căn bản của mình và thiết lập một nhóm bảy người đàn ông cho một phận vụ khác cần thiết trong Hội Thánh ; dù vậy, nhóm này không phải chỉ làm một việc thuần túy kỹ thuật là phân phát : họ là những người “đầy Thần Khí và khôn ngoan” (x. Cv 6,l-6). Điều đó có nghĩa là, việc phục vụ xã hội mà họ lãnh nhận là một phận vụ rất cụ thể, nhưng đồng thời cũng là một việc phục vụ thiêng liêng, và chính vì thế, thừa tác vụ của họ thực sự là một thừa tác vụ thiêng liêng, thực hiện một trách vụ cơ bản của Hội Thánh - đó là tình yêu tha nhân có tổ chức. Với việc thiết lập nhóm bảy người này, công tác *"diakonia"* - việc phục vụ chung, có tổ chức, của tình yêu tha nhân - từ nay được thiết lập trong cơ cấu nền tảng của chính Hội Thánh.

22. Theo dòng thời gian và với sự bành trướng dần dần của Hội Thánh, việc thực thi bác ái, công tác Bác ái (caritas), được xác định như một lĩnh vực căn bản cùng với việc ban phát bí tích và việc rao giảng Lời Chúa : việc thực thi bác ái đối với các goá phụ và trẻ mồ côi, với các tù nhân, với các bệnh nhân và người túng thiếu dưới mọi hình thức, thuộc về bản chất của Hội Thánh cũng y như việc phục vụ bí tích và rao giảng Phúc Âm. Hội Thánh không thể chểnh mảng trong việc thực thi bác ái cũng như chểnh mảng với bí tích và Lời Chúa. Vài mẫu gương cũng đủ cho thấy điều này. Thánh Giustinô tử đạo (khoảng năm 155) đã diễn tả, trong bối cảnh cử hành ngày Chúa nhật của các tín hữu, công tác bác ái của họ, công tác này được nối kết với Bí tích Thánh Thể : những người khá giả ban phát theo khả năng của họ, mỗi người ban phát bao nhiêu tùy ý họ. Giám mục sử dụng lễ vật đó để nâng đỡ các trẻ mồ côi, các bà góa và những người, vì bệnh hoạn hay những lý do khác, đang bị túng quẫn, cũng như cho các tù nhân và cho những người ngoại kiều [12]. Đại văn sĩ Kitô giáo Tertullien (khoảng năm 220) kể lại, việc chăm sóc của các Kitô hữu đối với những người túng quẫn đủ mọi loại gây ngạc nhiên cho kẻ ngoại [13]. Và khi Thánh Inhaxiô thành Antiochia (năm 117)

gọi "Giáo hội thành Roma" là "đứng đầu trong tình yêu *(agape)"* [14] thì chắc chắn rằng, ngài sử dụng cách nói này để làm nổi bật hoạt động bác ái cụ thể của Giáo Hội.

23. Trong bối cảnh này, cũng hữu ích khi nêu một chỉ dẫn về cơ cấu pháp lý xa xưa của công tác bác ái của Hội Thánh. Vào khoảng giữa thế kỷ thứ 4, ở Ai Cập có một hình thức mà người ta gọi là *''diakonie"* ; trong mỗi đan viện, có một tổ chức chịu trách nhiệm cho mọi hoạt động hỗ trợ chăm sóc - đó là công tác bác ái caritas. Tờ khởi thủy cho đến cuối thế kỷ thứ 6, ở Ai Cập, có một tổ chức với đầy đủ pháp lý, mà thẩm quyền thành phố trao cho một phần lúa thóc để phân phát công khai. Ở Ai Cập, không những các đan viện, mà cả từng giáo phận đều có tổ chức bác ái diakonie của mình - một cơ chế, được bành trướng không những ở Đông Phương mà cả ở Tây Phương. Đức Giáo hoàng Grêgôriô Cả (604) đề cập đến tổ chức bác ái của thành phố Naples ; đối với thành phố Rôma, các tài liệu cho thấy tổ chức bác ái bắt đầu từ thế kỷ thứ 7 và thứ 8 ; thế nhưng, từ xa xưa và có lẽ ngay từ đầu, công tác chăm sóc kẻ nghèo và những người đau khổ là một phần đời sống căn bản của Hội Thánh tại Rôma, theo những nguyên tắc của đời sống Kitô hữu được trình bày trong sách Công vụ Tông đồ. Hình ảnh của vị phó tế Lôrenxô (258) đã biểu lộ trách nhiệm này một cách sống động. Bài tường thuật bi thảm cuộc tử đạo của ngài đã được Thánh Ambrôsiô (397) biết đến, cho chúng ta thấy chân dung đích thực của thánh nhân. Ngài chịu trách nhiệm việc chăm sóc người nghèo trong thành phố Rôma ; sau khi các cộng sự của ngài cùng bị bắt với Đức Giáo hoàng, người ta để cho ngài một thời gian để gom góp tài sản của Hội Thánh để trao lại cho chính quyền thành phố. Lôrenxô phân phát tiền của đang có cho kẻ nghèo, rồi dẫn họ đến trước mặt chính quyền và giới thiệu những người này chính là kho tàng đích thực của Hội Thánh [15]. Người ta có thể suy nghĩ về tính chất xác thực theo lịch sử của bài tường thuật này - nhưng trong ký ức của người Kitô hữu, Thánh Lôrenxô vẫn được xem là nhân vật tiêu biểu cho công tác bác ái của Hội Thánh.

24. Đề cập đến gương mặt của vị hoàng đế Giulianô, người bội giáo (363), cũng có thể cho thấy tình yêu tha nhân được tổ chức và thực hành đối với Giáo Hội thời cổ cốt thiết dường nào. Khi lên sáu, chính Guilianô tận mắt chứng kiến đội bảo vệ hoàng cung sát hại cha, em và thân nhân của mình và gán hành động tàn bạo này - đúng hay sai chưa rõ - cho hoàng đế Constance, người tự cho mình là một Kitô hữu vĩ đại. Như thế niềm tin Kitô giáo mãi mãi bị mất uy tín đối với ông. Khi lên ngôi hoàng đế, ông quyết định tái lập ngoại giáo, tức là tôn giáo cổ của người La Mã, đồng thời canh tân tôn giáo này để nó có thể trở thành sức

mạnh nâng đỡ đế quốc. Trong ý định này, ông phải vay mượn cách tổ chức của Kitô giáo. Ông thiết lập một hàng giáo phẩm gồm các thượng phụ và tư tế. Các tư tế phải chăm lo đến tình yêu đối với Thượng đế và tình yêu đối với tha nhân. Trong một lá thư [16], ông đã viết, một điều gây ấn tượng cho ông là công tác bác ái của Giáo Hội. Và do đó, ông cho là trong tôn giáo mới của ông, cần phải thiết lập một hoạt động tương tự, song song với hệ thống bác ái của Hội Thánh. Ông tuyên bố, chính nhờ hệ thống bác ái này mà những người "Galilê" đã thu phục được quần chúng. Phải làm y như họ và còn hơn họ. Qua tuyên bố đó, hoàng đế đã xác nhận việc thực thi bác ái, *caritas,* là một dấu chứng quyết định cho cộng đoàn Kitô hữu, cho Hội Thánh.

21. Về điểm này, chúng ta nắm vững hai nhận thức căn bản từ những suy luận của chúng ta :

a) Bản chất Hội Thánh được thể hiện qua một trách nhiệm có ba mặt : rao giảng Lời Chúa *(kerygma-martyria)* cử hành các Bí tích *(leiturgia),* phục vụ bác ái *(diakonia).* Đó là những trách nhiệm lệ thuộc vào nhau và không thể tách rời nhau được. Việc phục vụ bác ái đối với Hội Thánh không phải là một cách thức hoạt động trợ giúp có thể giao cho người khác, nhưng nó thuộc về bản chất của Hội Thánh, là một biểu lộ bản chất không thể từ bỏ được [17].

b) Hội Thánh là gia đình của Thiên Chúa giữa trần gian. Trong gia đình, không được phép có những người túng thiếu. Đồng thời *caritas-agape* phải vượt qua ranh giới của Hội Thánh : dụ ngôn người Samaritanô nhân hậu vẫn phải là tiêu chuẩn, đòi buộc tính phổ quát của tình yêu, một tình yêu luôn hướng đến những người túng quẫn mà chúng ta ''tình cờ" gặp gỡ (x. Lc 10,31), dù họ là ai đi nữa. Có một mệnh lệnh đặc biệt trong Hội Thánh không làm giảm đi tính phổ quát của giới răn tình yêu này - đó là, trong Hội Thánh như là một gia đình, không được phép để một ai phải túng quẫn. Những lời trích từ Thư gởi giáo đoàn Galát cũng nằm trong ý nghĩa này : *''Vậy bao lâu còn thời giờ, chúng ta hãy làm điều thiện cho mọi người, nhất là cho những anh em trong đại gia đình đức tin"* (Gl 6,l0).

Công bằng và bác ái

26. Từ thế kỷ thứ 19 nổi lên phong trào chống đối hoạt động bác ái của Hội Thánh, được tư tưởng Mácxít khai triển một cách rõ ràng. Việc chống đối này cho rằng người nghèo không cần đến những công tác bác ái, nhưng đòi hỏi công bằng. Những việc bác ái - việc bố

thí - trong thực tế chí là cách thức để người giàu bỏ qua việc tái lập công bằng, ru ngủ lương tâm, bảo vệ vị trí riêng của mình và tước đi quyền lợi của người nghèo. Thay vì củng cố nguyên trạng bằng các việc bác ái, nên tạo một trật tự công bằng, trong dó mọi người được dự phần vào của cải trần thế và từ đó không cần đến các việc bác ái. Có thể chấp nhận vài điểm trong lý luận này, nhưng nhiều điểm lại sai lệch. Chắc chắn nguyên tắc nền tảng của Nhà nước là theo đuổi sự công bằng và mục đích của một trật tự xã hội công bằng là bảo đảm cho mỗi người có phần của mình trong số của cải của Cộng đoàn, trong sự tôn trọng nguyên tắc phụ đới. Đó là điều mà các quốc gia Kitô giáo và học thuyết xã hội của Giáo Hội luôn nhấn mạnh. Dựa theo lịch sử, vấn nạn vế trật tự công bằng của tập thể bước vào một giai đoạn mới cùng với việc kiến tạo xã hội công nghiệp vào thế kỷ thứ 19. Việc xuất hiện kỹ nghệ tân tiến đã khai tử trật tự xã hội cũ, và cùng với khối người lao động bị lệ thuộc vào đồng lương, đã đưa đến việc thay đổi cách triệt để việc tổ chức xã hội, trong đó tương quan giữa tư bản và công việc trở thành vấn nạn quyết định, một vấn nạn, dưới hình thức này, cho đến lúc đó chưa từng có. Các cơ chế sản xuất và tư bản từ nay trở thành quyền lực mới, nếu nằm trong tay một số ít người, sẽ đưa đến tình trạng khối người lao động siêng năng bị bóc lột quyền lợi và sẽ nổi dậy để chống lại.

27. Phải công nhận rằng các vị đại diện Hội Thánh thật chậm trễ khi nhận ra vấn nạn về cơ cấu công bằng của xã hội được đặt ra cách mới mẻ. Đã có những vị đi mở đường ; tỷ dụ một trong các vị là Đức Giám lục Ketteler của địa phận Mainz (+1877). Để đáp lại những nhu cầu cụ thể, đã xuất hiện các nhóm, những hiệp hội, những liên hiệp, những phong trào, đặc biệt là những dòng tu mới, vào thế kỷ thứ 19, đã dấn thân chống lại nghèo đói, bệnh tật và tình trạng thiếu thốn trong lĩnh vực giáo dục. Vào năm 1891, Huấn quyền đã đưa ra Thông điệp *Tân Sự (Rerum Novarum)* của Đức Giáo hoàng Lêô XIII. Tiếp theo vào năm 1931 là Thông điệp *Năm thứ Bốn Mươi (Quadragesimo Anno)* của Đức Giáo hoàng Piô XI. Đức chân phước Gioan XXIII đã ban hành Thông điệp *Mẹ và Thày (Mater et Magistra)* vào năm 1961. Trong Thông điệp *Phát triển các Dân tộc (Populorum Progressio)*'(1967) và trong Tông Thư *Năm thứ Tám Mươi đang đến (Octogesima Adveniens)* (1971), Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã đề cập mạnh mẽ đến vấn đề xã hội, lúc đó đang nóng bỏng cách đặc biệt tại Châu Mỹ La Tinh. Vị tiền nhiệm vĩ đại của tôi là Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã để lại cho chúng ta bộ ba Thông điệp xã hội : *Lao động (Laborem Exercens)* (1981), *Bận tâm về Vấn đề Xã hội (Sollicitudo Rei Socialis)* (1987), cuối cùng là Thông điệp *Bách Chu niên*

(Centesimus Annus) (1991). Đối mặt với những hoàn cảnh và những vấn đề mới, giáo huấn xã hội của Công giáo đã dần dần phát triển ; vào năm 2004, giáo huấn này được trình bày trong quyển *"Tóm lược Giáo huấn* Xã *hội của Hội Thánh''* do "Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình'' xuất bản. Chủ thuyết Mácxít đã cho cuộc cách mạng thế giới và việc chuẩn bị cuộc cách mạng này như là thần dược cho vấn đề xã hội : theo chủ thuyết này, nhờ cách mạng, kéo theo việc tập thể hoá các phương tiện sản xuất, tất cả sẽ lập tức thay đổi và sẽ tốt hơn. Giấc mộng này bị tan vỡ. Trong hoàn cảnh khó khăn mà chúng ta đang sống qua việc toàn cầu hoá kinh tế, giáo huấn xã hội của Hội Thánh sẽ trở thành điểm quy chiếu căn bản, đề nghị các định hướng có giá trị vượt quá ranh giới Hội Thánh. Đối mặt với sự phát triển liên tục, các định hướng này cần được trao đổi với những người thật sự quan tâm đến con người và thế giới.

28. Để xác định cách chính xác mối liên hệ giữa sự dấn thân cần thiết cho công bằng và việc phục vụ cho tình yêu, phải chú ý đến hai hoàn cảnh căn bản :

a) Trật tự công bằng của xã hội và của Nhà nước là trách nhiệm chính yếu của chính trị. Một Nhà nước, nếu không được tổ chức theo sự công bằng sẼ chí là một nhóm trộm cướp như Thánh Augustinô có lần đã nói : *"Remota itaque iustitia quid sunt regna nisi magna latrocinia ?"* [18]. Việc phân biệt giữa điều gì thuộc về César và điều gì thuộc về Thiên Chúa (x. Mt 22,21), có nghĩa là sự phân biệt giữa Nhà nước và Hội Thánh hay, như Công đồng Vatican II nói, sự độc lập của bình diện trần thế [19], thuộc về cơ cấu căn bản của Kitô giáo. Nhà nước không được áp đặt tôn giáo, nhưng phải bảo đảm sự tự do, cũng như sự hoà bình giữa các tín đồ của những tôn giáo khác nhau ; về phần mình, Hội Thánh như một biểu lộ xã hội của niềm tin Kitô giáo có sự độc lập của mình và dựa trên nền tảng đức tin, sống hình thức cộng đoàn của mình mà Nhà nước phải tôn trọng. Hai lĩnh vực phân biệt nhau, nhưng luôn liên kết hỗ tương với nhau. Công bằng là mục đích và từ đó cũng là tiêu chuẩn nội tại của mọi thứ chính trị. Chính trị không phải chỉ là kỹ thuật cho việc thiết lập các trật tự công cộng : nguồn gốc và mục đích của chính trị chính là sự công bằng và công bằng thuộc bản chất đạo đức. Vì thế Nhà nước luôn phải đối mặt với câu hỏi : phải thực hiện sự công bằng ở đây và ngay bây giờ như thế nào ? Nhưng câu hỏi này giả thiết một câu hỏi khác căn bản hơn : công bằng là gì ? Đây là một câu hỏi của lý trí thực tiễn ; để cho lý trí hoạt động cách đúng đắn, lý trí phải luôn được thanh luyện, vì sự mù quáng về mặt đạo

đức, xuất phát từ cám dỗ về lợi nhuận và quyền lực, sẽ làm loá mắt lý trí, trở thành một mối nguy hiểm rất khó loại bỏ cách hoàn toàn.

Về điểm này, chính trị và đức tin gặp nhau. Chắc chắn rằng đức tin có bản chất riêng của mình như là cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống - một cuộc gặp gỡ khai mở cho chúng ta những chân trời mới vượt quá bình diện lý trí của chúng ta. Nhưng đức tin cũng đồng thời là một sức lực thanh luyện cho lý trí. Xuất phát từ quan điểm của Thiên Chúa, đức tin giải thoát lý trí khỏi những mù quáng và nhờ đó giúp cho lý trí được tốt hơn. Đức tin giúp lý trí có khả năng thực hiện công việc của mình tốt hơn và nhìn thấy những gì đặc thù của mình rõ nét hơn. Chính đây là nơi giáo huấn xã hội của Kitô giáo dấn thân vào : giáo huấn này không muốn tạo cho Hội Thánh một quyền lực đứng trên Nhà nước ; cũng không muốn áp đặt cho những người không cùng chia sẻ niềm tin những quan điểm và những cách thức chỉ dành riêng cho những người có đức tin ; nhưng chỉ muốn đóng góp vào việc thanh luyện lý trí và giúp lý trí nhận ra điều gì đúng đắn ở đây và lúc này để có thể thi hành.

Giáo huấn xã hội của Hội Thánh lập luận dựa trên lý trí và luật tự nhiên, có nghĩa là từ những gì thích hợp với bản tính con người. Giáo huấn này biết rằng đây không phải là trách nhiệm của Hội Thánh để áp đặt giáo huấn này bằng chính trị : giáo huấn này chỉ muốn phục vụ và giúp đỡ việc giáo dục lương tâm trong chính trị, giúp nhận thức rõ ràng những đòi hỏi đích thực của công bằng, đồng thời sẵn sàng để hành động, cả khi điều này có nghịch lại với những lợi ích riêng tư. Việc xây dựng một trật tự xã hội và trật tự Nhà nước công bằng, nhờ đó mà mỗi người nhận được phần của mình, là một trách nhiệm căn bản mà mỗi thế hệ phải luôn đặt ra một cách mới mẻ. Vì đây là trách nhiệm căn bản của con người, nên Hội Thánh có bổn phận phải đóng góp qua việc thanh luyện lý trí và huấn luyện đạo đức, để con người có thể mau mắn nhận ra những đòi hỏi của công bằng và thực thi về mặt chính trị.

Hội Thánh không thể và cũng không được phép tham gia vào cuộc tranh chấp chính trị để thực hiện một xã hội công bằng nhất. Hội Thánh không thể và không được phép thay thế vị trí của Nhà nước, nhưng không thể và không được phép đứng bên ngoài cuộc đấu tranh cho công bằng. Hội Thánh phải dấn thân vào cuộc đấu tranh này bằng con đường lý luận dựa theo lý trí và phải đánh thức những sức mạnh tinh thần, nếu không có những sức mạnh này thì sự công bằng, vốn luôn đòi hỏi sự hy sinh, không thể được thực thi và phát triển. Xã hội công bằng không thể là công trình của Hội Thánh, nhưng phải được chính trị thực

hiện. Dù vậy, cố gắng để có được sự công bằng nhờ việc soi sáng nhận thức và ý chí cho những đòi buộc của các điều thiện hảo là điều Hội Thánh rất tha thiết.

b) Tình yêu - caritas - vẫn luôn cần thiết, ngay cả trong xã hội công bằng nhất. Không có một trật tự công bằng của Nhà nước nào có thể xem công tác bác ái là thừa thãi. Ai muốn loại bỏ tình yêu thì cũng đồng thời không xem con người là con người nữa. Vẫn luôn luôn có khổ đau cần đến sự an ủi và trợ giúp. Vẫn luôn luôn còn có sự cô đơn. Vẫn luôn luôn còn có những trường hợp thiếu thốn vật chất, nơi mà sự trợ giúp theo nghĩa thực hiện tình yêu tha nhân là cần thiết [20]. Nhà nước nào muốn chu cấp tất cả, tập trung tất cả về mình, cuối cùng cũng chỉ trở thành một cơ chế bàn giấy, không thể bảo đảm những gì thiết yếu cho những người đau khổ - cũng như cho mọi người : đó là sự quan tâm đầy tình thương cho từng cá nhân. Chúng ta không cần một Nhà nước quy định và thống trị tất cả, nhưng ngược lại, một Nhà nước thích ứng với nguyên tắc bổ trợ, công nhận và hỗ trợ cách quảng đại cho những sáng kiến xuất phát từ những sức mạnh xã hội khác nhau và phối hợp tính bộc phát để gần gũi với những con người cần được trợ giúp. Hội Thánh là một sức mạnh sống động như thế. trong Hội Thánh, năng động của tình yêu được triển khai từ Thánh Thần của Đức Kitô đang hoạt động, tình yêu này mang đến cho con người không những sự hỗ trợ vật chất, nhưng còn củng cố tình thần và cứu chữa, là điều còn cần thiết hơn các hỗ trợ vật chất. Định kiến cho rằng, những cơ cấu công bằng sẽ xem các hoạt động bác ái là không cần thiết, thật sự che giấu một hình ảnh con người theo hướng duy vật : một niềm tin lệch lạc, cho rằng con người chỉ sống bằng "cơm bánh" (Mt 4,4 ; x. Đnl 8,3) một quan niệm chà đạp con người và vì thế không nhận ra tính nhân bản đặc thù của con người.

29. Bây giờ chúng tả có thể xác định cách chính xác liên hệ một mặt giữa việc đấu tranh cho trật tự công bằng của Nhà nước và xã hội và mặt khác là hoạt động bác ái có tổ chức của Hội Thánh. Bây giờ thì rõ, việc xây dựng những cơ cấu công bằng không phải là trách nhiệm trực tiếp của Hội Thánh, nhưng thuộc về chính trị - là bình diện của lý trí tự chịu trách nhiệm. Hội Thánh trong vấn đề này chỉ có trách nhiệm gián tiếp thuộc về mình là việc thanh luyện lý trí và gợi lên những động lực đạo đức mà không can dự vào việc xây dựng những cơ cấu công bằng và lo cho các cơ cấu này hoạt động lâu dài.

Trách nhiệm trực tiếp để hoạt động cho một trật tự công bằng trong xã hội, ngược lại là điều đặc thù của người giáo dân. Là công dân, họ được kêu gọi tham gia cá nhân vào đời sống cộng đồng. Vì thế, họ không được từ chối tham gia vào "những sáng kiến đa dạng và

khác biệt trên những bình diện kinh tế, xã hội, luật pháp, hành chính và văn hoá, tất cả bình diện này đều phục vụ cho việc thực thi có tổ chức và cơ chế cho công ích" [21]. Trách nhiệm của người giáo dân định dạng cho đời sống xã hội theo một cách thức đúng đắn, trong đó phải tôn trọng sự độc lập chính đáng và cộng tác với các công dân khác tuỳ theo chuyên môn của mỗi người và trách nhiệm riêng của họ [22]. Cho dù những hình thức biểu lộ đặc biệt của công tác bác ái của Hội Thánh không bao giờ bị lẫn lộn với hoạt động của Nhà nước, thì điều rõ ràng là tình yêu phải là động lực sống động cho toàn bộ đời sống của người giáo dân và từ đó in dấu trên hoạt động chính trị của họ theo nghĩa một "tình yêu mang tính xã hội" [23].

Những tổ chức bác ác của Hội Thánh ngược lại trình bày - công tác đặc thù (opus proprium) của Hội Thánh, một trách nhiệm đi đúng với bản chất của mình, trong dó Hội Thánh không phải cộng tác kiểu đứng bên lề, nhưng như là một chủ thể trực tiếp chịu trách nhiệm hoạt động và thực hiện điều thích ứng với bản chất của mình. Hội Thánh không được chuẩn chước cho mình khỏi việc thực hiện công tác bác ái như là hoạt động tập thể có tổ chức của giáo dân, mặt khác, không có hoàn cảnh nào, trong đó người ta không cần đến bác ái của từng người Kitô hữu, chỉ vì, con người, vượt trên sự công bằng, luôn cần đến tình yêu.

Những cơ cấu đa dạng của việc phục vụ bác ái trong bối cảnh xã hội ngày nay

30. Trước khi thử tìm cách định nghĩa hình dạng đặc thù của các hoạt động Giáo Hội trong việc phục vụ con người, tôi muốn nhìn hoàn cảnh chung trong việc phấn đấu cho công bằng và bác ái trong thế giới ngày nay.

a) Ngày nay các phương tiện truyền thông đại chúng đã làm cho hành tinh của chúng ta bé lại, bằng cách làm cho những con người và những nền văn hoá khác biệt nhất mau chóng gần gũi với nhau. Cho dù việc “sống chung” này đôi khi đưa đến hiểu lầm và căng thẳng, nhưng có một thực tế là, người ta có cảm nhận nhu cầu của con người cách trực tiếp hơn, nhất là lời mời gọi chia sẻ hoàn cảnh và những khó khăn của họ. Mỗi ngày chúng ta càng ý thức hơn, có quá nhiều đau khổ trên thế giới do sự thiếu thốn vật chất cũng như tinh thần gây nên, dù cho có nhiều tiến bộ về mặt khoa học và kỹ thuật. Từ đó, ngay trong thời đại chúng ta, đòi hỏi cần có sự sẵn sàng mới mẻ để giúp đỡ người thân cận đang túng quẫn. Công đồng Vatican II đã nói những lời rõ ràng như sau : ''Ngày nay, nhờ những phương tiện

truyền thông hoàn thiện hơn, những khoảng cách giữa con người có thể nói là đã vượt qua, [...] hoạt dộng bác ái có thể và phải bao trùm tất cả mọi người và tất cả mọi nhu cầu" [24].

Mặt khác - và đây là một phương diện vừa thách thức vừa động viên của việc toàn cầu hoá - chúng ta có trong tay không biết bao nhiêu là phương tiện dể sử dụng hầu đem lại sự trợ giúp nhân bản cho anh chị em đang túng quẫn, đặc biệt là các hệ thống tân tiến để phân phát lương thực và quần áo cũng như sẵn sàng cho các khả năng đón nhận và cưng cấp nơi trú ngụ. Như thế việc chăm sóc tha nhân vượt qua ranh giới các tập thể của quốc gia, để lan rộng đến mọi chân trời của thế giới này. Công đồng Vatican II đã nhận định cách đúng đắn : ''Trong các dấu chỉ của thời đại chúng ta, phải đặc biệt chú ý tới ý thức ngày gia tăng và không thể tránh được về tình hình liên đới giữa các dân tộc" [25]. Những cơ quan của Nhà nước và các các hiệp hội nhân đạo hỗ trợ cho các sáng kiến theo chiều hướng này, bằng cách trợ cấp hay giảm thuế cho những người này, còn những người khác thì cho họ sử dụng phương tiện tài chính thích đáng. Với cách thức này, sự liên đới được xã hội dân sự thể hiện vượt qua liên đới của từng cá nhân một cách có ý nghĩa.

b) Trong hoàn cảnh này đã xuất hiện và phát triển rất nhiều hình thức cộng tác giữa các cơ quan Nhà nước và Giáo Hội, việc cộng tác này đã mang lại nhiều kết quả. Các cơ quan của Giáo Hội, nhờ sự trong sáng trong hoạt động và việc chu toàn cách trung tín trách nhiệm làm chứng cho tình yêu, có thể làm sinh động các cơ quan dân sự bằng tinh thần Kitô giáo và đòi buộc một sự cộng tác hỗ tương làm lợi cho hiệu quả việc phục vụ bác ái [26]. Trong liên hệ này, đã có nhiều tổ chức được thành lập với mục đích bác ái và từ thiện, để đối mặt với những vấn đế chính trị và xã hội hiện hành, có thể đạt được những giải quyết thoả đáng trong lĩnh vực nhân đạo. Một hiện tượng quan trọng trong thời đại chúng ta là việc xuất hiện và phát triển nhiều hình thức thiện nguyện khác nhau, đảm nhận rất nhiều công tác phục vụ đa dạng [27]. Ở đây, tôi muốn nói một lời đặc biệt để công nhận và biết ơn tất cả những người tham gia vào những hình thức khác nhau của công tác này. Việc triển khai một sự dấn thân như thế đối với giới trẻ là một trường học cho cuộc sống, đào tạo tình liên đới và sự sẵn sàng, không phải chỉ ban tặng một cái gì, nhưng là chính bản thân mình. Thứ văn hóa đối kháng của sự chết, tỷ như bộc lộ qua ma túy, sẽ chạm trán với tình yêu, một thứ tình yêu không đi tìm chính bản thân, nhưng sẵn sàng ''tự đánh mất mình đi'' cho kẻ khác (x. Lc 17,33 tt), tự minh chứng mình là một văn hoá của sự sống.

Những hình thức mới mẻ của những hoạt động bác ái phát sinh trong Hội Thánh Công giáo và trong nhưng Giáo hội khác cũng như trong các cộng đoàn, những hình thức cũ cũng được phát triển với sức lực mới – những hình thức, trong đó thường có sự nối kết thật tốt đẹp giữa việc Phúc Âm hoá và hoạt động bác ái. Tôi muốn công khai xác nhận ở đây điều mà vị tiền nhiệm vĩ đại của Tôi là Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã viết trong Thông điệp *Bận tâm về Vấn đề Xã hội (Sollicitudo Rei Socialis)* [28], khi ngài tuyên bố Giáo Hội Công giáo luôn sẵn sàng cộng tác với các tổ chức bác ái của các Giáo hội và cộng đoàn Giáo hội, vì tất cả chúng ta hoạt động từ một động lực nền tảng và có cùng mục đích trước mắt : một chủ nghĩa nhân bản đích thực, chủ thuyết này công nhận hình ảnh Thiên Chúa nơi con người và muốn giúp họ có được một cuộc sống xứng đáng với phẩm giá này. Thông điệp *Xin cho họ nên một (Ut Unum Sint)* nhấn mạnh một lần nữa, cần có một tiếng nói chung của các Kitô hữu và sự dấn thân của họ cho sự phát triển một thế giới tết đẹp hơn, để "tôn trọng các quyền lợi và nhu cầu của mọi người, nhất là của những người nghèo, những kẻ thấp kém, đạt được thành công [29]. Ở đây, tôi muốn bộc lộ niềm vui của tôi vì điều ao ước này đã gặp được nhiều âm vang trong toàn thế giới qua rất nhiều sáng kiến.

Khía cạnh đặc biệt của công tác bác ái của Hội Thánh.

31. Việc gia tăng nhiều tổ chức dấn thân cho con người trong những nhu cầu khác biệt, cuối cùng được giải thích như sau : mệnh lệnh của tình yêu tha nhân đã được Đấng Sáng Tạo khắc ghi trong bản tính con người. Dù vậy, việc gia tăng cũng là kết quả sự hiện diện của Kitô giáo giữa trần gian, sự hiện diện này vẫn luôn đánh thức mệnh lệnh thường bị lu mờ trong dòng lịch sử và giúp đem lại kết quả : cuộc canh tân ngoại giáo do Hoàng đế Giulianô, kẻ bội giáo, là một tỷ dụ xa xưa cho hiệu quả đó. Trong ý nghĩa này, sức mạnh của Kitô giáo vươn ra khỏi ranh giới niềm tin Kitô giáo. Điều quan trọng hơn nữa là hoạt động bác ái của Kitô giáo giữ được sức mạnh soi sáng trọn vẹn của mình, chứ không bị tan biến như một dạng hỗ trợ chưng chung. Vậy thì đâu là những yếu tố nền tảng tạo thành bản chất của hoạt động bác ái thuộc Kitô giáo và thuộc Giáo Hội ?

a) Theo mẫu gương trong dụ ngôn người Samaritanô nhân hậu, hoạt động bác ái mang đặc tính Kitô giáo trước hết là lời đáp trả nhu cầu khẩn cấp trực tiếp trong một hoàn cảnh cụ thể. Phải cho người đói lương thực, người trần truồng quần áo, bệnh nhân phải được chữa trị, phải thăm viếng tù nhân... Các tổ chức bác ái của Hội Thánh - khởi đầu với các cơ quan caritas (thuộc giáo phận, quốc gia và quốc tế) - phải thực hiện tất cả khả năng của mình, để

sẵn sàng có các phương tiện, nhưng nhất là các nhân sự, để có thể đảm nhận những trách nhiệm như thế. Ai muốn phục vụ cho những người đau khổ, cần phải được đào tạo có nghiệp vụ : những người trợ giúp phải được đào tạo, để họ thực hiện những hành động đúng đắn vào đúng lúc và tiếp tục chăm sóc. Khả năng nghề nghiệp là điều cần thiết đầu tiên và căn bản, thế nhưng duy chỉ như thế thì không đủ. Ở đây nhắm đến con người, và con người luôn cần đến một cái gì hơn là sự chăm sóc đúng đắn đầy kỹ thuật. Họ còn cần đến tình người. Họ cần đến sự quan tâm của con tim. Đối với tất cả những ai hoạt động trong các tổ chức bác ái của Hội Thánh, phải chú tâm đặc biệt để không những thực hiện những gì cần thiết đúng lúc, nhưng còn phải quan tâm đến kẻ khác bằng con tim, để người này có thể cảm nhận được sự phong phú của phẩm giá nhân bản của họ. Vì thế, những người trợ giúp này, ngoài việc đào tạo ngbế nghiệp, còn cần đến việc đào luyện con tim : họ cần được hướng dẫn đến gặp gỡ Thiên Chúa trong Đức Kitô, cuộc gặp gỡ này sẽ đánh thức tình yêu trong họ và mở rộng con tim của họ cho tha nhân, đến độ tình yêu tha nhân đối với họ không còn là một giới răn được thiết đặt tự bên ngoài, nhưng đó là bước tiếp nối của đức tin, chính đức tin đó : hoạt động trong tình yêu (x. .Gl 5,6).

b) Hoạt động bác ái Kitô giáo phải độc lập khỏi các đảng phái và ý thức hệ. Hoạt động này không phải là phương tiện để thay đổi bộ mặt trần gian được định hướng theo ý thức hệ và cũng không để phục vụ cho các chiến lược trần thế, nhưng để thực hiện tình yêu tại đây và bây giờ mà con người luôn cần đến. Thời đại mới, nhất là từ thế kỷ 19, bị các biến thể của một thứ triết học về tiến bộ thống trị, mà hình thức triệt để nhất là chủ thuyết Mácxít. Lý thuyết bần cùng hoá thuộc về chiến lược của thuyết này, Chủ thuyết này cho bằng ai giúp đỡ con người trong hoàn cảnh dưới một sự lãnh đạo bất công, thì cũng đồng nghĩa với việc phục vụ cho hệ thống bất công hiện hành, làm cho hệ thống có vẻ như có thể chịu đựng được, ít nhất là đến một mức độ nào đó.. Như thế gần như là ngăn chặn khả năng cách mạng và qua đó cũng ngăn chặn luôn việc chuyển đổi để đạt một thế giới tốt đẹp hơn. Vì thế việc dấn thân vào bác ái bị tố giác và tấn công như củng cố cơ chế. Trong thực tế, đó là một thứ triết học vô nhân đạo. Con người hiện đang bị tế hiến cho một thần Moloch của tương lai, mà việc xây dựng tương lai này còn quá mù mờ. Thực ra, không thể nhân bản hoá thế giới khi từ chối hành động cách nhân đạo *ở đây và bây giờ.* Để có thể đạt được một thế giới tốt đẹp hơn, người ta phải thực hiện điều thiện với tất cả sự đam mê ở nơi có thể thực hiện được, độc lập khỏi mọi chiến lược và chương trình của đảng phái. Chương

trình của người Kitô hữu – chương trình của người Samaritanô nhân hậu, chương trình của Đức Giêsu - là "trái tim biết nhìn". Trái tim này nhìn ra nơi nào cần tình yêu và hoạt động dựa theo đó. Khi hoạt động bác ái của Hội Thánh được thực hiện như sáng kiến của tập thể, thì kế hoạch, dự đoán và sự cộng tác với những tổ chức khác tương tự cần thiết hơn là sự tự phát của cá nhân.

c) Ngoài ra, tình yêu bác ái thực tiễn không phải là phương tiện cho điều mà ngày nay người ta gọi là chiêu dụ tín đồ (proselytismus). Tình yêu thì nhưng không ; tình yêu không được thực hiện để đạt mục đích khác [30]. Điều này không có nghĩa công việc bác ái phải để Thiên Chúa và Đức Kitô qua một bên. Chủ đích là nhắm đến con người trọn vẹn. Thường thì việc vắng bóng Thiên Chúa là nguyên do sâu xa của đau khổ. Ai hoạt động bác ái nhân danh Hội Thánh, không bao giờ tìm cách áp đặt lên kẻ khác niềm tin của Hội Thánh : Người đó phải biết rằng tình yêu trong sự thuần khiết và vô tư là chứng cứ tốt nhất về Thiên Chúa, Đấng mà chúng ta tin và thúc dẩy chúng ta yêu thương. Người Kitô hữu biết lúc nào có thể nói về Thiên Chúa, lúc nào thì nên thinh lặng và chỉ nói về tình yêu mà thôi. Người đó biết, Thiên Chúa là Tình Yêu (x. l Ga 4,8) và ngay lúc này Người đang hiện diện trong lúc tình yêu được thực hiện chứ không phải bất cứ điều gì khác. Người đó biết - để trở lại với câu hỏi được đặt ra ở trên - khinh thị tình yêu là khinh thị Thiên Chúa và con người - đó là cố gắng vượt ra ngoài Thiên Chúa. Vì thế, việc bảo vệ Thiên Chúa và con người cách tốt nhất nằm ngay trong tình yêu. Trách nhiệm của các tổ chức bác ái của Hội Thánh là củng cố ý thức này nơi các đại diện của mình, để họ trở thành chứng nhân của Đức Kitô qua hành dộng cũng như lời nói, sự thinh lặng và mẫu gương của họ.

Những người có trách nhiệm cho hoạt động bác ái của Hội Thánh

32: Cuối cùng, chúng ta phải hướng đến những người chịu trách nhiệm các hoạt động bác ái của Hội Thánh. Trong các suy luận cho đến bây giờ, một điều nổi bật rõ ràng là chủ thể đích thực của những tổ chức khác nhau của Công giáo, đảm nhiệm một công tác bác ái, là chính Hội Thánh trên các bình diện, bắt đầu từ các giáo xứ đến các Giáo Hội từng vùng, từng miến, cho đến Giáo Hội toàn cầu. Vì thế mà Đấng Tiền nhiệm đáng kính của tôi là Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã thiết lập "Hội đồng Giáo hoàng Đồng tâm" (Cor Unum) như là cơ quan của Toà Thánh chịu trách nhiệm để định hướng và phối hợp các tổ chức và hoạt động bác ái của Hội Thánh. Cơ cấu Giám mục của Hội Thánh đáp ứng được điều này ; trong các giáo phận, các giám mục, với tư cách là những vị kế nhiệm các tông đồ, phải mang lấy trách

nhiệm đầu tiên là thực hiện cho đến hôm nay chương trình được chỉ dẫn trong sách Công vụ Tông đồ (x. Cv 2,42-44) : Hội Thánh như là gia đình của Thiên Chúa, hôm nay cũng như hôm qua, phải là nơi trợ giúp lẫn nhau và đồng thời cũng là nơi sẵn sàng phục vụ cho những người cần được giúp đỡ, cả khi họ không thuộc về Hội Thánh. Trong nghi thức truyền chức giám mục, trước nghi thức thánh hiến, có vài câu hỏi được đặt ra cho ứng viên trong đó nói lên những yếu tố căn bản cho nhiệm vụ và những bổn phận của thừa tác vụ tương lai của ngài. Qua câu trả lời, vị tiến chức hứa cách công khai "vì danh Chúa, phải tiếp đón kẻ nghèo, những người vô gia cư cũng như mọi người cần được giúp đỡ và phải luôn nhân từ đối với họ" [31].] Bộ Giáo Luật, trong các điều khoản về thừa tác vụ Giám mục, không nói rõ công tác bác ái như lĩnh vực riêng của hoạt động giám mục, nhưng nói chung về trách nhiệm của giám mục là phối hợp nhiều công tác tông đồ khác nhau trong sự tôn trọng đức tính riêng của mỗi công tác [32]. Quyển *Kim chi nam về Công tác Mục vụ của Giám mục* đã triển khai cụ thể trách nhiệm bác ái như phận vụ thuộc bản chất của toàn thể Hội Thánh và của vị giám mục trong địa phận của mình [33] và nhấn mạnh rằng việc thực thi bác ái là một hoạt động của Hội Thánh, hoạt động này được trình bày nhưmột phần bản chất bổn phận căn bản của ngài, tương tự như việc phục vụ cho Lời Chúa và các bí tích.

33. Trên đây đã nói về điểm căn bản liên quan đến những người cộng tác thực hành công việc bác ái trong Hội Thánh : họ không được phép rút cảm hứng từ những ý thức hệ để làm cho thế giới tốt đẹp hơn, nhưng phải được đức tin hướng dẫn, đức tin sẽ hoạt động trong đức ái (x. Gl 5,6). Trước hết họ phải là những con người được tình yêu của Đức Kitô đụng chạm tới ; những con người mà trái tim họ đã được Đức Kitô chinh phục bằng tình yêu và nơi đó Người đã khơi dậy tình yêu tha nhân. Lời hướng dẫn của họ sẽ là câu rút từ *Thư thứ hai gởi giáo đoàn Côrintô : "tình yêu Đức Kitô Thúc bách tôi"* (514).Việc nhận thức rằng, trong Đức Kitô, Thiên Chúa tự hiến bản thân mình cho chúng ta cho đến chết, phải đưa chúng ta đến quyết định, không còn sống cho chính mình nữa, nhưng cho Người và cùng với Người cho những kẻ khác. Ai yêu Đức Kitô, thì cũng yêu Hội Thánh và muốn rằng Hội Thánh phải luôn là cách biểu lộ và là cơ quan tình yêu của Người. Người cộng tác của bất cứ tổ chức bác ái Công giáo nào đều muốn làm việc với Hội Thánh và từ đó với giám mục, để tình yêu của Thiên Chúa tuôn trào khắp thế giới. Họ muốn, qua việc tham gia vào công tác bác ái của Hội Thánh, trở thành chứng nhân của Thiên Chúa và của Đức Ki tô và nhờ đó thực hiện điều thiện hảo cho tha nhân mà không có một chút ý đồ nào.

34. Việc khai mở nội tâm cho chiều kích Công giáo của Hội Thánh đòi buộc người cộng tác phải sẵn sàng đồng thuận với các tổ chức khác trong công tác dưới nhiều hình thức của nhu cầu ; điều này phải được thực hiện trong sự tôn trọng tính cách đặc thù của phận vụ mà Đức Kitô đang mong chờ nơi các môn đệ của Người. Trong bài thánh thi ca ngợi tình yêu (I Cr 13), Thánh Phaolô dạy chúng ta, tình yêu còn hơn là một hoạt động đơn thuần : *"Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt mà không cô đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi"* (c. 3). Bài Thánh thi này phải là (Hiến chương) Magna Carta cho mọi công tác của Hội Thánh ; trong Thánh thi này cô đọng tất cả những suy tư mà tôi muốn triển khai trong Thông điệp này về tình yêu. Hoạt động thực tiễn sẽ còn rất ít, nếu trong đó tình yêu đối với con người chưa được cảm nghiệm, tình yêu này được nuôi dưỡng bằng cuộc gặp gỡ với Đức Kitô. Việc tham gia cá nhân và nội tâm vào nhu cầu và đau khổ của kẻ khác là một cách hiến tặng chính bản thân tôi cho họ : để quà tặng không làm hạ phẩm giá người nhận, không những tôi trao một cái gì của tôi, nhưng còn cho đi chính bản thân tôi, như một nhân vị hiện diện trong quà tặng đó.

35. Cách phục vụ đúng đắn này sẽ làm cho người trợ giúp khiêm tốn hơn. Họ không đặt mình vào vị trí cao hơn người khác, cho dù người đó ngay trong giây phút này đang ở trong hoàn cảnh thật cực khổ. Đức Kitô đã chọn vị trí cuối cùng trong trần gian - đó là thập tự - và ngay chính trong sự khiêm hạ triệt.để, Người đã cứu chúng ta và giúp chúng ta tiến tới. Ai đứng trong vị thế giúp đỡ kẻ khác, phải nhận biết rằng, chính lúc đó họ cũng được giúp đỡ và khả năng giúp đỡ của bản thân không là công đức và sự nghiệp của bản thân. Trách nhiệm này ân sủng. Một người càng phục vụ cho kẻ khác, thì họ càng hiểu lời của Đức Kitô và áp dụng cho chính mình : *“Chúng tôi chỉ là những đầy tớ vô dụng”* (Lc 17,10) Vì họ nhận biết rằng, không phải vì phận vụ của một kẻ cả hay vì một hiệu quả lớn lao cho cá nhân, nhưng vì Chúa đã ban cho họ như một hồng ân. Đôi khi nhu cầu quá lớn và sự hạn hẹp của hoạt động mình làm cho họ rơi vào cơn cám dỗ nản lòng. Nhưng chính lúc đó, họ được giúp đỡ để biết rằng cuối cùng họ chỉ là công cụ trong bàn tay của Chúa, họ sẽ được giải thoát khỏi sự kiêu căng là phải tự mình và khả năng của mình làm cho thế giới này tốt đẹp hơn. Trong sự khiêm tốn, họ sẽ làm những gì họ có thể thực hiện và trong khiêm tốn đặt vào tay Chúa tất cả những điều khác. Thiên Chúa điều khiển thế giới chứ không phải chúng ta. Chúng ta chỉ phục vụ Người trong khả năng và sức lực mà Người ban cho chúng ta. Với sức lực này, chúng ta thực hiện những gì chúng ta có thể làm, đó là mệnh lệnh mà một

người tôi tớ đúng đắn của Đức Giêsu Kitô vẫn tuân giữ khi hoạt động : *"Tình yêu của Đức Kitô thúc bách chúng tôi"* (2Cr 5,14).

36. Kinh nghiệm về vô vàn nhu cầu một mặt có thể đẩy chúng ta vào ý thức hệ, có tham vọng làm điều mà việc điều khiển vũ trụ của Thiên Chúa hình như không nhắm tới - việc giải quyết cách phổ quát tất cả mọi vấn đề. Mặt khác, nó có thể trở thành cơn cám dỗ thất vọng, vì hình như không thể đạt được gì cả. Trong hoàn cảnh này, việc liên hệ sống động với Đức Kitô là một trợ lực quyết định, để có thể ở trong con đường đúng đắn : không rơi vào sự kiêu căng coi thường con người, sự kiêu căng này sẽ không giúp xây dựng gì cả nhưng phá hoại thì nhiều, và cũng không nằm trong sự thất vọng ngăn trở việc thực thi bác ái và phục vụ con người. Cầu nguyện là cách thế tìm được sức mạnh mới mẻ từ Đức Kitô ; ở đây cầu nguyện trở thành một đòi hỏi khẩn cấp cụ thể. Ai cầu nguyện sẽ không phung phí thời giờ của mình, cả khi hoàn cảnh thật khẩn cấp và hình như thúc bách chúng ta phải hành động. Sự đạo đức không làm suy yếu cuộc chiến đấu chống lại nghèo khổ hay sự cùng cực của tha nhân. Chân phước Têrêsa thành Calcutta là một mẫu gương tỏ tường cho điều này, thời gian dành cho Thiên Chúa trong kinh nguyện không những không làm phương hại đến hoạt động cụ thể của tình yêu tha nhân, nhưng trong thực tế lại là nguồn bất tận cho hoạt động đó. Trong lá thư Mùa Chay năm 1996, vị chân phước này đã viết cho các cộng sự viên của mình trong hàng giáo dân : "Chúng ta cần đến liên hệ nội tâm với Thiên Chúa trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Nhưng làm thế nào chúng ta đạt được điều đó ? Chỉ qua cầu nguyện".

37. Đây là lúc tái xác định sự quan trọng của việc cầu nguyện đối mặt với chủ thuyết duy hoạt động và chủ thuyết tục hoá đang hăm dọa nhiều Kitô hữu tham gia vào công tác bác ái. Người Kitô hữu cầu nguyện không có ý định thay đổi chương trình của Thiên Chúa, hay hoàn thiện điều Thiên Chúa quan phòng. Đúng hơn, họ tìm cách gặp gỡ Cha của Đức Giêsu Kitô và khẩn cầu, để Người hiện diện trong họ với sự an ủi của Chúa Thánh Thần và trong công tác của họ. Việc phó thác vào Thiên Chúa và sự tùng phục ý muốn của Người ngăn chăn sự hạ giá con người và gìn giữ họ khỏi ảnh hưởng của những lý thuyết cuồng tín và khủng bố. Thái độ tôn giáo đúng đắn tránh cho con người khỏi trở thành quan tòa của Thiên Chúa và tố cáo người đã để cho sự khốn cùng tồn tại, không động lòng thương xót với các thụ tạo của Người. Nếu như người nào nại đến quyền lợi của con người để chống lại Thiên Chúa - thì họ sẽ dựa vào ai, khi hành động của con người tỏ ra bất lực ?

38. Thực vậy, ông Gióp than van với Thiên Chúa về những đau khổ mà ông không thể hiểu được và ngay trong lúc này xem ra không công bằng mấy, đang xảy ra trong thế giới. Ông đã nói trong đau khổ : *"Ai sẽ cho tôi biết phải tới đâu để tìm Người và làm sao đến được nơi Người ngự ? … Tôi sẽ biết những điều Người trả lời cho tôi, và hiểu được những gì Người nói. Với tôi, Người có phải đem hết sức ra tranh luận ?...'Vì thế đứng trước nhan Người tôi đâm sợ hãi, chỉ nghĩ đến Người là đã thấy khiếp kinh. Thiên Chúa làm cho tôi nhát đảm, Đấng Toàn Năng khiến tôi phải kinh hoàng"* (23, 3.5-6.15-16). Thường chúng ta không thể thấy lý do tại sao Thiên Chúa rút tay lại, thay vì giương ra. Nhưng Người không ngăn cấm chúng ta thốt lên như Đức Giêsu trên thập giá : *"Lạy Thiên Chúa của con ! Lạy Thiên Chúa của con ! sao Ngài bỏ rơi con* (Mt 27,46). Trong đối thoại khi cầu nguyện, chúng ta vẫn kiên vững với câu hỏi này trước nhan thánh Người : *"Lạy Chúa, hỡi Đấng Thánh và là Đấng Chân Thật, Ngài còn trì hoãn đến bao giờ* (Kh 6,l0). Thánh Augustinô cho chúng ta câu trả lời xuất phát từ niềm tin đối với đau khổ của chúng ta : *"Si comprehendis, non est Deus" - (Nếu anh hiểu được Người, Người sẽ không còn là Thiên Chúa nữa)* [35}. Phản kháng của chúng ta không muốn thách thức Thiên Chúa, không xúc phạm đến Người để cho rằng trong Người còn có sai lầm, yếu đuối và dửng dưng. Người tin không thể nghĩ rằng Thiên Chúa bất lực hay là Người "đang ngủ" (x. lV 18,27). Trái lại, tiếng kêu than của chúng ta, cũng như tiếng kêu than của Đức Giêsu trên thập giá, lâ sự xác nhận bên ngoài và sâu xa nhất của niềm tin chúng ta vào quyền năng tối cao của Thiên Chúa. Thật vậy người Kitô hữu, cho dù có tất cả sự khó hiểu và hoang mang của thế giới chung quanh mình, vẫn tiếp tục tin vào *"lòng nhân hậu và sự yêu thương của Thiên Chúa đối với con người* (Tt 3,4). Cho dù họ cũng như mọi người khác chìm ngập trong sự phức tạp bi đát của các sự kiện lịch sử, họ vẫn đứng vững trong hy vọng rằng Thiên Chúa là một Người Cha và yêu thương chúng ta, dù sự thinh lặng của Người thật khó hiểu đối với chúng ta.

39. Tin, cậy và mến đều lệ thuộc vào nhau. Niềm cậy trông bộc lộ một cách thực tiễn trong nhân đức kiên nhẫn, nhân đức này không lơ là trong việc thiện cả khi phải đối mặt với điều xem ra không được thành công, và trong nhân đức khiêm nhường, là nhân đức đón nhận mầu nhiệm của Thiên Chúa và vẫn phó thác vào mầu nhiệm này ngay cả khi rơi vào mù tối. Đức tin chỉ cho chúng ta Thiên Chúa, Đấng đã ban Con của Người cho chúng ta và ban cho chúng ta niềm xác tín bất khuất : Thiên Chúa là tình yêu ! với cách thức đó, Người biến đổi sự mất kiên nhẫn và nghi ngờ của chúng ta thành sự xác tín của niềm cậy trông rằng Thiên

Chúa gìn giữ thế giới trong bàn tay của Người và Người sẽ thắng, mặc cho mọi thứ u tối, như sách Khải Huyền cho thấy ở cuối sách qua những hình ảnh rất đánh động. Niềm tin, ý thức tình yêu của Thiên Chúa tự tỏ lộ nơi trái tim bị đâm thâu của Đức Giêsu trên thập giá, niềm tin đến phiên mình sẽ làm nảy sinh tình yêu. Tình yêu là ánh sáng - cuối cùng là ánh sáng duy nhất – sẽ làm cho một thế giới đen tối được sáng trở lại và ban cho chúng ta sự can đảm để sống và để hành động. Tlnh yêu có thể thực hiện như thế, và chúng ta cũng có khả năng để thực hiện tình yêu vì chúng ta được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa. Với Thông điệp này, tôi muốn mời anh chị em sống tình yêu và nhờ đó đem ánh sáng của Thiên Chúa vào trong thế giới này.

KẾT LUẬN

40. Cuối cùng, chúng ta hãy nhìn ngắm các vị thánh, là những Đấng đã thực hiện bác ái cách gương mẫu. Một cách đặc biệt, chúng ta nghĩ đến Thánh Martinô thành Tours (397), trước tiên là người lính, sau đó là đan sĩ và giám mục : như một bức tranh thánh, ngài cho chúng ta thấy giá trị không thể thay thế được của chứng tá cá nhân về đức ái. Ngay cổng thành Amiens, Thánh Martinô đã chia áo choàng của mình cho một người nghèo. Ngay trong đêm đó, Đức Giêsu hiện ra với ngài trong mộng, mình mặc chiếc áo choàng đó, để xác nhận giá trị vĩnh cửu của lời Phúc Âm : *"Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc... Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất cửa Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy"* (Mt 25,36.40) [36]. Chúng ta còn có thể trích dẫn rất nhiều chứng tá khác về tình bác ái trong lịch sử Hội Thánh ; đặc biệt nhất là sự phục vụ bác ái đối với tha nhân trong phong trào đan tu, khởi đầu với Thánh Antôn, đan viện phụ (356). Trong cuộc gặp gỡ "mặt đối lặt" với Thiên Chúa, Đấng là Tình yêu, vị đan sĩ này cảm thấy một sự thúc bách khẩn cấp, phải chuyển đổi trọn cuộc đời mình để phục vụ - phục vụ Thiên Chúa và phục vụ tha nhân. Điều này có thể giải thích tại sao lại có nhiều nhà đón khách lỡ đường, nhà dành cho bệnh nhân và cho người nghèo được xây bên cạnh các đan viện. Điều này cũng giải thích biết bao sáng kiến dành cho sự phát triển con người và giáo dục Kitô giáo, là những việc chú tâm đến người nghèo. Những công tác này đầu tiên được các đan tu và dòng hành khất đảm nhiệm và tiếp đó, xuyên suốt cả lịch sử Hội Thánh là các tu hội nam cũng như nữ. Gương mặt của các vị Thánh như Phanxicô Assidi, Inhaxiô Loyola, Gioan Thiên Chúa, Camillô Lellis, Vinh Sơn Phaolô, Louise de Marillac, Giuseppe B. Cottolengo, Gioan

Bosco, Luigi Orione và Têrêsa Calcutta - đây chỉ nêu lên vài vị - là những mẫu gương danh tiếng về bác ái xã hội cho mọi người thiện chí. Các vị thánh là những người đích thực mang ánh sáng của lịch sử, chỉ vì họ là những con người của đức tin, của hy vọng và của tình yêu.

41. Nổi bật nhất giữa chư thánh là Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa, tấm gương của sự thánh thiện. Trong Phúc Âm Thánh Luca, chúng ta nhìn thấy Mẹ dấn thân phục vụ bác ái cho người chị họ của mình là bà Elisabeth ; Mẹ đã ở lại nhà bà "độ ba tháng" (Lc 1,56), để giúp đỡ bà trong giai đoạn cuối cùng của việc mang thai. Trong dịp thăm viếng này, Mẹ đã *cất cao lời kinh "Magnificat anima mea Dominum" (Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa)* (Lc 1,46). Qua lời kinh này, Mẹ đã nói lên tất cả chương trình của cuộc sống mình : Mẹ không đặt mình vào trọng tâm, nhưng dành chỗ cho Thiên Chúa, Đấng mà Mẹ gặp gỡ trong kinh nguyện cũng như trong phục vụ tha nhân – chỉ như thế trần gian mới tốt đẹp. Đức Maria thật cao cả, không phải vì Mẹ muốn làm cho mình cao cả nhưng là Thiên Chúa. Mẹ khiêm nhường : Mẹ không muốn điều gì khác hơn là Nữ tỳ của Chúa (x. Lc 1,38.48). Mẹ biết, Mẹ chỉ đóng góp vào ơn cứu độ thế giới, không phải qua việc hoàn tất công trình của mình, nhưng dâng hiến bản thân mình, sẵn sàng phục vụ cho sáng kiến của Thiên Chúa. Mẹ là một người hy vọng : vì Mẹ tin vào các lời hứa của Thiên Chúa và mong chờ ơn cứu độ của Israel, nên thiên thần có thể đến với Mẹ và kêu gọi Mẹ đli vào công việc phục vụ mang tính chất quyết định cho những lời hứa này. Mẹ là một người tin : Bà Elisabeth nói với Mẹ : *''Phúc cho em vì đã tin''* (Lc 145). Kinh *Magnficat* - có thể xem đó là tấm ảnh linh hồn của Mẹ - được dệt bằng các sợi chỉ rút từ Thánh Kinh, từ những sợi chỉ của Lời Chúa. Điều này cho thấy rõ, Mẹ luôn ở trong Lời Chúa, ra vào thật tự nhiên. Mẹ nói và suy tư với Lời Chúa ; Lời Chúa trở thành lời của Mẹ và lời của Mẹ đến từ Lời Chúa. Điều này cho thấy, tư tưởng của Mẹ là đồng suy nghĩ với tư tưởng của Thiên Chúa ; ao ước của Mẹ cùng khao khát với ý muốn của Thiên Chúa. Vì Mẹ đã thấm nhuần Lời Chúa, nên Mẹ có thể trở thành Mẹ của Ngôi Lời Nhập thể. Cuối cùng, Đức Maria là một người đang yêu. Làm thế nào có thể khác đi được ? Như một người tin và suy nghĩ trong đức tin với tư tưởng của Thiên Chúa, ao ước với ý muốn của Thiên Chúa, nên Mẹ chỉ có thể là một người đang yêu mà thôi. Chúng ta nhận ra điều này qua những cử chỉ thầm lặng mà lịch sử thời thơ ấu trong Phúc Âm tường thuật cho chúng ta. Chúng ta nhìn thấy điều đó qua sự tế nhị, Mẹ nhận ra những nhu cầu của đôi tân hôn ở Cana và đã nói lại với Đức Giêsu. Chúng ta nhìn thấy điều đó trong sự khiêm nhường, Mẹ chấp nhận sống âm thầm trong suốt thời gian công khai của Đức Giêsu, biết rằng Con

mình sẽ thiết lập một gia đình mới và giờ của người mẹ chỉ đến vào lúc đứng dưới chân thánh giá, cũng là giờ đích thực của Đức Giêsu (x. Ga 2,4 ; 13,l). Khi các môn đệ trốn chui trốn nhủi, Mẹ vẫn đứng bên thánh giá (x. Ga 19,25-27) ; sau đó, vào giờ Hiện Xuống, các môn đệ vây quanh Mẹ trong sự chờ đợi Chúa Thánh Thần (x. Cv 1,14).

42. Cuộc đời các vị thánh không chỉ bao gồm tiểu sử trần thế của họ, nhưng là cuộc sống và hoạt động của họ bên Thiên Chúa sau khi họ chết. Một điều rõ ràng nơi các vị thánh : ai tiến đến Thiên Chúa sẽ không tách biệt khỏi con người, nhưng ngược lại rất gần gũi. Điều này chúng ta thấy rất rõ nơi Đức Maria. Lời của Đấng chịu đóng đinh nói với người môn đệ, nói với Gioan và qua ngài với tất cả các môn đệ của Đức Giêsu: *"Đây là Mẹ con !"* (Ga 19,27) - qua muôn thế hệ vẫn mang tính chất mới mẻ. Đức Maria thật sự trở thành Mẹ của mọi tín hữu. Nhân loại ở mọi thời đại và từ khắp góc trời trên trái đất, với những nhu cầu và hy vọng, với niềm vui và đau khổ, trong cô đơn hay với tập thể, đổ chạy đến lòng nhân hậu từ mẫu cũng như sự thanh khiết và vẻ đẹp trinh nguyên của Mẹ. Và luôn luôn họ nhận được quà tặng của lòng từ mẫu, cảm nghiệm được tình yêu vô tận, mà Mẹ chia sẻ từ con tim của mình. Những chứng cứ của sự biết ơn, mà từ mọi lục địa và văn hoá đem đến cho Mẹ, là sự công nhận tình yêu thuần khiết của Mẹ, tình yêu không tìm gì cho chính mình, nhưng chỉ muốn điều thiện hảo. Việc tôn kính của các tín hữu biểu lộ trực giác không sai lầm về việc làm thế nào một tình yêu như thế lại có thể hiện hữu được : qua việc kết hợp mật thiết với Thiên Chúa, qua việc được Thiên Chúa thấm nhập, điều này giúp cho người uống lấy nguồn suối từ tình yêu Thiên Chúa, cũng trở thành suối nguồn, *"từ đó tuôn chảy những dòng nước hằng sống"* (Ga 7,38). Đức Maria, Trinh Nữ và là Mẹ, chỉ cho chứng ta thấy tình yêu là gì và nguồn gốc tình yêu xuất phát từ đâu mà sức là của nó luôn mới mẻ. Chúng ta tin tưởng trao phó Hội Thánh cũng như sứ vụ của Hội Thánh trong việc phục vụ tình yêu cho Mẹ.

Thánh Maria Mẹ Chúa Trời
Mẹ đã ban cho thế giới ánh sáng thật
Là Đức Giêsu, Con của Mẹ - cũng là Con Thiên Chúa.
Mẹ đã phó thác bản thân mình cách trọn vẹn
Cho tiếng gọi của Thiên Chúa
và vì thế Mẹ trờ thành nguồn suối của mọi điều thiện hảo

Tuôn chảy từ Người
Xin tỏ cho chúng con Đức Giêsu. Xin dẫn chúng con đến với Người
Xin dậy chúng con biết Người và yêu mến Người,
Để tất cả chúng con cũng có thể trở thành những người'yêu đích thực
Và thờ thành nguồn mạch của Nước hằng sống
Giữa một thế giới đang khát nước.

Ban hành tại Rôma, tại Đền Thánh Phêrô
Ngày 25.12.2005, vào *Đại lễ Sinh nhật của Chúa*
năm đầu triều đại Giáo hoàng của tôi.
ĐTC. BÊNÊĐICTÔ XVI
(đã ký)

CHÚ THÍCH

[1] x. Jenseits von Gut und Böse, IV, 168.
[2] X. 69. Les Belles Lettres, Paris (1942), tr. 71.
[31 x. R. Descartes, Oeuvres, ấn bản V. Cousirl, q. 12, Paris 1824. tr. 95tt.
[4] ll, 5: SCh 381, tr. 196.
[5] *Ibid.,* tr. 198.
[6] x. Metaphysics, Xll, 7.
[7] x. Ps.-Dionysius the Areopagite, trong tác phẩm The Divine Names, IV, 12-14 : PG 3, 709-713, ông đã gọi Thiên Chúa vừa là *eros* vừa là *agape.*
[8] Plato, Symposium, XIV-XV, 189c-192.d.
[9] Sallust, De coniuratione Catilinae, XX, 4.
[10] x. Thánh Augustinô, Tự thuật,III, 6, 11 : CCL 27, 32.
[11] De Trinitate, Vlll, 8, 12 : CCL 50, 287.
[12] x. 1 Apologia, 67 : PG 6, 429.
[13] x. Apologeticum, 39, 7 : PL 1, 468.
[14] T. Inhaxiô thành Antiôkia, Thư gửi giáo đoàn Rôma : PG 5, 801.
[151x. T. Amblôsiô, De Officiis ministrorum, ll, 28, 140 : PL 16, 141.

[16] x. Ep. 83 : J. Bidez, l'Empeureur Julien, Oeuvres complètes, Paris (1960), q. I, 2a, tr. 145.

[17] x. Thánh bộ các giám mục, Hướng dẫnl thừa tác vụ mục vụ của các giám mục *Apostolorum Successores* (22.2.2004), 194, Vaticarl City 2004, tr. 213.

[18] De Civitate Dei, IV, 4 : CCL 47, 102.

[19] x. Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes* về Hội Thánh trong Thế giới ngày nay, 36.

[20] x. Thánh bộ các Giám mục. Hướng dẫn thừa tác vụ mục vụ của các Giám Mục *Apostolorum Successores* (22.2.2004), 197, Vatican city 2004, tr. 217.

[21] ĐGH. Gioan Phaolô ll, Tông huấn hậu Thượng Hội đồng *Christifideles Laici* (30.12.1988), 42 : AAS 81 (1989), 472.

[22] x. Thánh bộ Giáo lý Đức tin, *Doctrinal Note on Some questions Regarding the participation of Catholics in Political Life* (24.11.2002), 1: *L'Osservatore Romano English edition,* 22.11.2003, tr. 5.

[23] *Giáo lý Hội Thánh Công giáo* 1939.

l24] Sắc lệnh *Apostolicam Actuositatem* về Tông đồ Giáo dân, 8.

[25] *Ibid.,* 14.

l261 x. Thánh bộ cảc Giám mục, Hướng dẫn thừa tác vụ mục vụ của các giám mục *Apostolorum Successores* (22.2.2004), 195, Vatican City 2004, tr. 214-216.

[27] x. ĐGH. Gioan Phaolô ll, Tông huấn hậu Thượng Hội đồng *Christifideles Laici* (30.12.1988), 41 : AAS 81 (1989) 470-472.

[28] x. số 32 : AAS 80 (1988) 556.

[29] Số 43 : AAS 87 (1995), 946.

[30] x. Thánh bộ các Giám mục, Hướng dẫn thừa tác vụ mục vụ của các giám mục *Apostolorum Successores* (22.2.2004), 196, Vatican Cily 2004, tr. 216.

[31] x. *Pontificale Romanum, Nghi thức truyền chức Giám mục* 43.

[321 x. Giáo luật, điều 394 ; *Giáo Luật của các Giáo hội Đông phương,* điều 203.

[33] x. Nos. 193-198 : tr. 212-219.

[34] *Ibid.,* 194 : tr. 213-214.

[35] *Bài giảng* 52, 16 : PL 38, 360.

[36] x. Sulpicius Severus, *Vita Sancti Martini,* 3, 1-3 : SCh 133, 256-258.

THÔNG ĐIỆP “THIÊN CHÚA LÀ TÌNH YÊU”
Uỷ ban Giáo lý Đức tin
Văn phòng Thư ký HĐGMVN thực hiện
Bản dịch từ Đức ngữ của Lm. Augustinô Nguyễn Văn Trinh
có tham chiếu bản dịch Anh, Ý, Pháp và Việt ngữ,
với sự chuẩn nhận của Đức cha Phaolô Bùi Văn Đọc,
Chủ tịch Uỷ Ban Giáo lý Đức tin.